

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Khoa Anh Thư
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Nguyễn Đức Kiên

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN VIỆT LONG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Khoa Anh Thư

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Đức Kiên

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Khoa Anh Thư

Mã SV: 1512401107

Lớp: QT1903K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Khoáng Sản
Việt Long

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP	3
1.1 Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.....	3
1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu	4
1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu	5
1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	6
1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bán hàng và cung cấp dịch vụ	7
1.5.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7
1.5.2: Kế toán giá vốn hàng bán.....	9
1.5.3: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	13
1.6 : Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính	14
1.7.1 Kế toán thu nhập khác	17
1.7.2 Kế toán chi phí khác.....	19
1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.	21
1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu ,chi phí xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán	23
1.9.1 Hình thức Nhật ký chung	23
1.9.2 Hình thức Nhật ký - Sổ cái.....	24
1.9.3 Hình thức Chứng từ ghi sổ.....	26
1.9.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	27
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN VIỆT LONG	28
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư khoáng sản Việt Long	28
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ Phần Đầu Tư khoáng sản Việt Long.....	28

2.1.2. Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại công ty CP Đầu Tư khoáng sản Việt Long.....	28
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty CP Đầu Tư khoáng sản Việt Long.....	29
2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long	31
2.1.4.2. Chế độ kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long.....	32
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long.....	33
2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long	33
2.2.1.1. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long.....	40
2.2.1.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long.....	51
2.2.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long.	62
2.2.4. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long.....	67
CHƯƠNG III: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN VIỆT LONG	76
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả nói riêng tại Công ty Cổ Phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long.	76
3.1.1. Ưu điểm:.....	76
3.1.2. Hạn chế:	77
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh:	78
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.....	78
3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long.....	79

3.4.1 Kiến nghị 1: Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán:	79
3.4.2. Kiến nghị 2: Phân bổ chi phí quản lý kinh doanh từng mặt hàng:	80
3.4.3 Kiến nghị 3: Về hoạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh. ..	80
3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long.	91
3.5.1. Về phía nhà nước:	91
3.5.2. Về phía doanh nghiệp:.....	91
KẾT LUẬN:	92
TÀI LIỆU THAM KHẢO	93

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	8
Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	9
Sơ đồ 1.3 : Sơ đồ hạch toán giá vốn bán hàng theo phương pháp kê khai thường xuyên	11
Sơ đồ 1.4: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK.....	12
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh.....	14
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....	16
Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác	18
Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chi phí khác	20
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh	23
Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	24
Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký – Sổ cái.	25
Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định	26
Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy.	27
Sơ đồ 2.1 : Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý công ty Cổ phần Đầu tư.....	29
Sơ đồ: 2.2: Bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long	31
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung.....	33

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 0000490	35
Biểu số 2.2: Giấy báo có.	36
Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT số 0000508.	37
Biểu số 2.4: Trích sổ nhật ký chung.....	38
Biểu số 2.5: Trích sổ cái TK 511.	39
Biểu 2.6. Phiếu xuất kho PX23	42
Biểu 2.7. Phiếu xuất kho PX42	43
Biểu số 2.8:Trích sổ nhật ký chung.....	44
Biểu số 2.9: Trích sổ cái TK 632.	50
Biểu số 2.10: Hóa đơn GTGT số 0006945.	52
Biểu số 2.11: Phiếu chi 30/12.	53
Biểu số 2.12: Hóa đơn GTGT số 0001200.	54
Biểu số 2.13: Phiếu chi số 38/12.....	55
Biểu số 2.14: Trích sổ nhật ký chung.....	56
Biểu số 2.15. Hóa đơn giá trị gia tăng.....	58
Biểu số 2.16: Phiếu chi số 25/12.....	59
Biểu số 2.17: Trích sổ nhật ký chung.....	60
Biểu số 2.18: Trích sổ cái TK 642.	61
Biểu số 2.19: Giấy báo có.	63
Biểu số 2.20: Sổ nhật ký chung.....	64
Biểu số 2.21: Sổ cái TK 515.	65
Biểu số 2.22: Phiếu kế toán số 31.	68
Biểu số 2.23: Phiếu kế toán số 32.	68
Biểu số 2.24: Phiếu kế toán số 33.	69
Biểu số 2.25: Phiếu kế toán số 34.	69
Biểu số 2.26: Phiếu kế toán số 35.	70
Biểu số 2.27: Phiếu kế toán số 35.	70
Biểu số 2.28: Phiếu kế toán số 37.	71
Biểu số 2.29: Trích sổ nhật ký chung.....	72
Biểu số 2.30: Trích sổ cái TK 911.	73
Biểu số 2.31: Sổ cái TK 821.	74
Biểu số 2.32: Báo cáo kết quả hoạt động kinhdoanh.....	75

Bảng 3.1: Giao diện phần mềm MISA SME.NET2017.	79
Biểu số 3.1: Mẫu sổ chi tiết bán hàng	81
Biểu số 3.4: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh	91
Biểu số 3.3: Sổ chi tiết bán hàng.....	90
Biểu số 3.2: Mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh.	82

KÝ HIỆU VIẾT TẮT

STT	Diễn giải	Viết tắt
1	Thuế Tiêu thu đặc biệt	TTDB
2	Thuế giá trị gia tăng	GTGT
3	Quyết định	QĐ
4	Bộ tài chính	BTC
5	Tài sản cố định	TSCĐ
6	Bảo hiểm xã hội	BHXH
7	Quản lý doanh nghiệp	QLDN
8	Chủ sở hữu	CSH
9	Nhật ký chung	NKC
10	Hóa đơn	HD
11	Phiếu kế toán	PKT

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cần thiết của đề tài nghiên cứu.

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp luôn quan tâm đến chi phí, doanh thu và mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận thu được. Bằng hệ thống các phương pháp khoa học, kế toán đã thể hiện được tính ưu việt của mình trong việc bao quát toàn bộ tình hình tài chính và quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp một cách đầy đủ và chính xác. Đặc biệt, công tác kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là mối quan tâm hàng đầu của mỗi doanh nghiệp trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Xuất phát từ tầm quan trọng của công việc đó, và được sự chấp thuận của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Khoáng Sản Việt Long, vận dụng kiến thức 4 năm ngồi trên ghế nhà trường cùng với sự giúp đỡ của thầy giáo Nguyễn Đức Kiên, em đã chọn đề tài **“ Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Khoáng Sản Việt Long ”** làm đề tài tốt nghiệp của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài.

- Khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Khoáng Sản Việt Long
- Đưa ra một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Khoáng Sản Việt Long.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu: Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Phạm vi nghiên cứu : tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Khoáng Sản Việt Long

4. Phương pháp nghiên cứu

- Các phương pháp kế toán
- Phương pháp thống kê và so sánh

5. Kết cấu của khóa luận

Kết cấu của khóa luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 03 chương :

Chương 1 : Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Khoáng Sản Việt Long

Chương 3 : Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư Khoáng Sản Việt Long.

CHƯƠNG 1:

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP

1.1 Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

*Bán hàng: là hoạt động thực hiện trao đổi sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp chuyên cho khách hàng và khách hàng đồng ý hoặc chấp nhận thanh toán cho doanh nghiệp..

*Sản phẩm sản xuất: là sản phẩm mà doanh nghiệp tự sản xuất ra để phục vụ cho chính doanh nghiệp hoặc để trao đổi với doanh nghiệp khác trong thương mại.

*Sản phẩm tiêu thụ: là thực hiện mục đích của sản xuất hàng hóa, là đưa sản phẩm từ nơi sản xuất tới nơi tiêu dùng. Nó là khâu lưu thông hàng hoá, là cầu nối trung gian giữa một bên là sản xuất và phân phối và một bên là tiêu dùng.

*Doanh thu: Doanh thu là tổng giá trị được thực hiện do việc bán sản phẩm, hàng hóa hay cung cấp dịch vụ cho khách hàng, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ban hành ngày 26/08/2016, doanh thu được định nghĩa là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp ngoại trừ phần đóng góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ được thu tiền.

*Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền mà doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các nghiệp vụ và giao dịch phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã trừ các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán,... trong kỳ báo cáo, làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

*Thời điểm ghi nhận doanh thu: doanh thu được ghi nhận chỉ khi doanh nghiệp được đảm bảo nhận lợi ích kinh tế từ giao dịch.

*Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gồm: Kết quả sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Hoạt động sản xuất kinh doanh: Là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (bao gồm cả sản phẩm, hàng hóa, giá thành xây lắp của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến

hoạt động kinh doanh như: chi phí khấu hao. Chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí thuê hoạt động, chi phí thanh lý), chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. Trong báo cáo kết quả kinh doanh chỉ tiêu này được gọi là “ Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh”.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh = Doanh thu thuần – (Giá vốn hàng bán + Chi phí bán hàng + Chi phí quản lý doanh nghiệp)

- Kết quả hoạt động tài chính:

Hoạt động tài chính: Là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời. Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập thuần thuộc hoạt động tài chính với các khoản chi phí thuộc hoạt động tài chính. Kết quả hoạt động tài chính = Thu nhập hoạt động tài chính – Chi phí thuộc hoạt động tài chính với các khoản chi phí thuộc hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác:

Hoạt động khác: Là hoạt động diễn ra không thường xuyên, không dự tính trước hoặc có dự tính nhưng có khả năng thực hiện, các hoạt động khác như Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu được tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, thu được khoản nợ khó đòi đã xóa sổ,...

Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa thu nhập thuần khác và chi phí khác.

Kết quả hoạt động khác = TN hoạt động khác – CP hoạt động khác.

1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu

Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 –“ Doanh thu và thu nhập khác”– Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua

+ Doanh nghiệp không còn nắm quyền quản lý như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm kê, kiểm soát hàng hóa

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

- Doanh thu thu được tương đối chắc chắn.

- Doanh nghiệp có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp

dịch vụ đó. - Doanh nghiệp xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày tiến hành thành lập bảng cân đối kế toán.

- Doanh nghiệp xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện nêu trên.

Điều kiện ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 2 điều kiện trên.

1.3. Nguyên tắc kế toán doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được các định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng, bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm bên ngoài giá bán (nếu có)

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của các nghiệp vụ phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân thị trường liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT. - Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán. Cuối kỳ thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp được trừ ra khỏi doanh thu bán hàng.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB hoặc thuế XK thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán sản phẩm, hàng hóa, giá cung cấp dịch vụ (bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế XK)

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hóa thì doanh thu chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá trả ngay và ghi nhận doanh thu và ghi nhận doanh thu tài chính về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với từng thời điểm xác định doanh thu trong thời gian trả lãi.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận của năm tài chính là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ số tiền thu được chia cho năm cho thuê tài sản.

- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá. Doanh thu trợ cấp, trợ giá được phản ánh trên tài khoản 5114.

- Không hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ các trường hợp sau:

+ Trị giá hàng hóa, vật tư, bán thành phẩm xuất giao cho bên gia công, chế biến.

+ Trị giá sản phẩm, bán thành phẩm, dịch vụ cung cấp giữa các đơn vị thành viên trong một công ty, tổng công ty hạch toán ngành (sản phẩm, bán thành phẩm, dịch vụ tiêu thụ nội bộ).

+ Số tiền thu được từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.

+ Trị giá sản phẩm, hàng hóa đang gửi đi bán, dịch vụ hoàn thành và cung cấp cho khách hàng nhưng chưa được sự chấp nhận thanh toán của người mua.

+ Trị giá hàng gửi bán theo phương thức gửi bán hàng đại lý, ký gửi (chưa được xác nhận là tiêu thụ).

+ Các khoản thu nhập khác không được coi là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo chỉ tiêu, số lượng, chủng loại và giá trị.- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản phải thu, các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp để cuối kỳ tập hợp doanh thu, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động bất thường.

- Cuối kỳ kết chuyển doanh thu và chi phí hợp lý vào tài khoản 911 để xác

định kết quả kinh doanh và các khoản phải nộp Nhà nước. Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, trung thực và đầy đủ về kết quả hoạt động kinh doanh để phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp.

1.5. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.5.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

* Chứng từ sử dụng

✓ Hóa đơn GTGT

✓ Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có

✓ Các chứng từ khác có liên quan

* Tài khoản sử dụng doanh nghiệp.

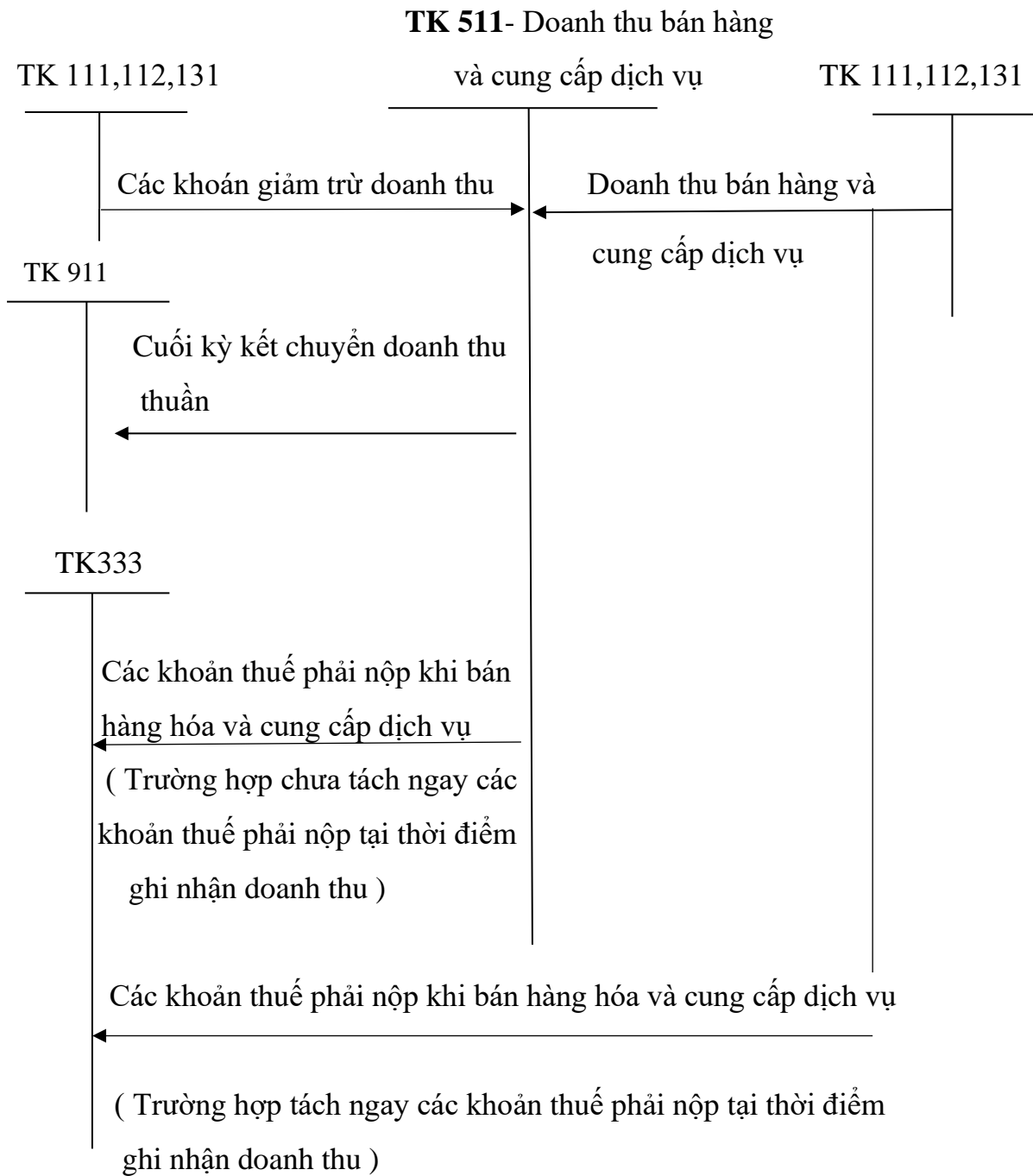
- Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một thời kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và nghiệp vụ sau:

Kết cấu

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu tính trên doanh số bán trong kỳ. - Doanh thu hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại. - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế công ty phát sinh trong kỳ 	
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

*Phương thức hạch toán

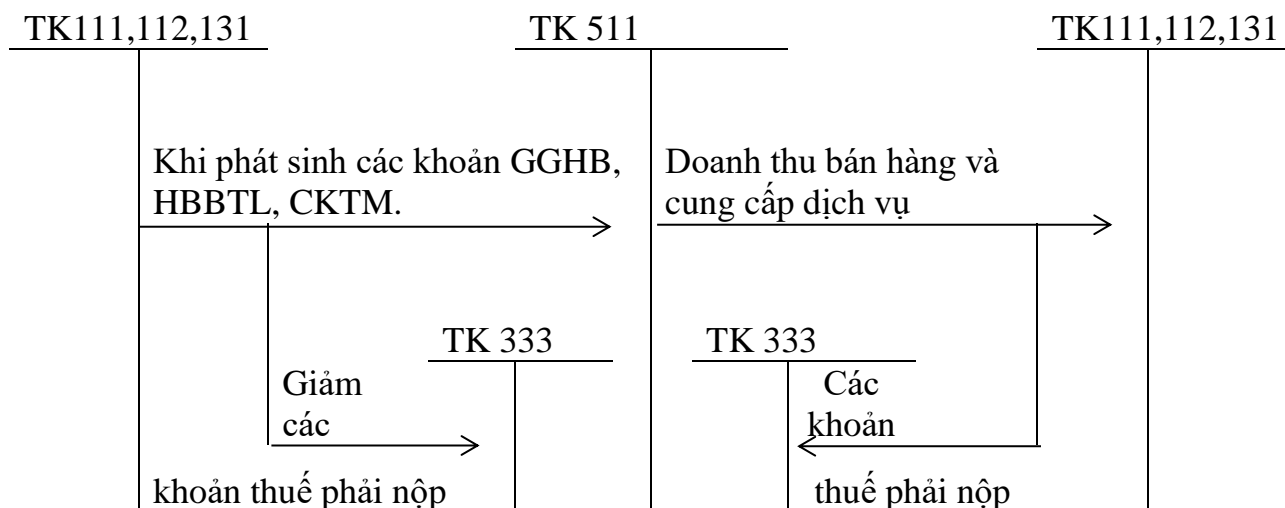


Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại được ghi giảm trực tiếp vào bên nợ tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

*Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.5.2: Kế toán giá vốn hàng bán

* Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

✓ Phương pháp bình quân gia quyền: theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo từng thời kỳ hoặc sau từng lô hàng nhập về, phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của mỗi doanh nghiệp.

➤ Theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ

Giá đơn vị bình quân cả

Giá thực tế hàng I đầu kỳ + Giá thực tế hàng I
nhập kho trong kỳ

kỳ của hàng I

=

Lượng thực tế hàng I tồn kho đầu kỳ + Lượng thực
tế hàng I nhập kho trong kỳ

- Theo giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập

$$\begin{array}{l} \text{Giá đơn vị bình quân} \\ \text{sau lần nhập } j \text{ của hàng I} \end{array} = \frac{\text{Giá thực tế tồn kho sau lần nhập } j \text{ của hàng I}}{\text{Lượng thực tế tồn kho sau lần nhập } j \text{ của hàng I}}$$

- ✓ Phương pháp nhập trước xuất trước: phương pháp nhập trước xuất trước áp dụng trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước thì được xuất trước theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của lô hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.
- ✓ Phương pháp giá bán lẻ: phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác.
- ✓ Phương pháp thực tế đích danh: phương pháp này giá được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng hàng hóa mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

* *Chứng từ kế toán sử dụng:*

- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

* *Tài khoản sử dụng:*

TK 632: “Giá vốn hàng bán”

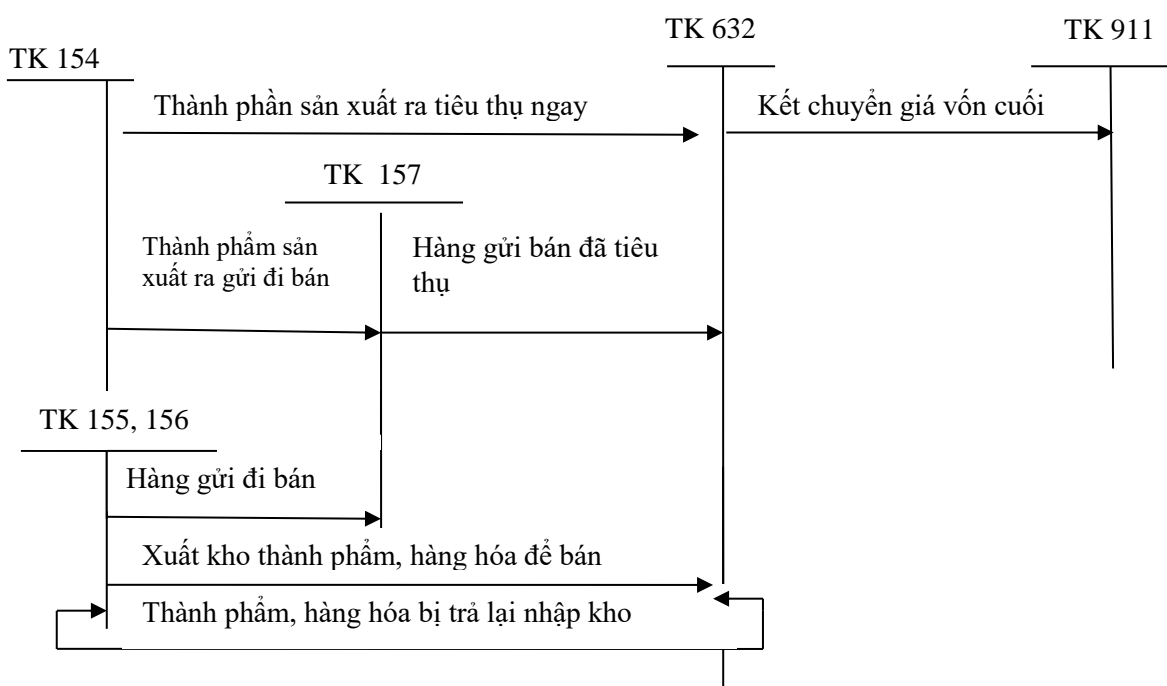
Kết cấu TK 632:

Nợ	TK 632	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ. - Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Chi phí xây dựng tự chế tạo TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế tạo hoàn thành. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 		<ul style="list-style-type: none"> - Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911: "Xác định kết quả kinh doanh". - Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho
Tổng phát sinh nợ		Tổng phát sinh có

KT 632 không có số dư

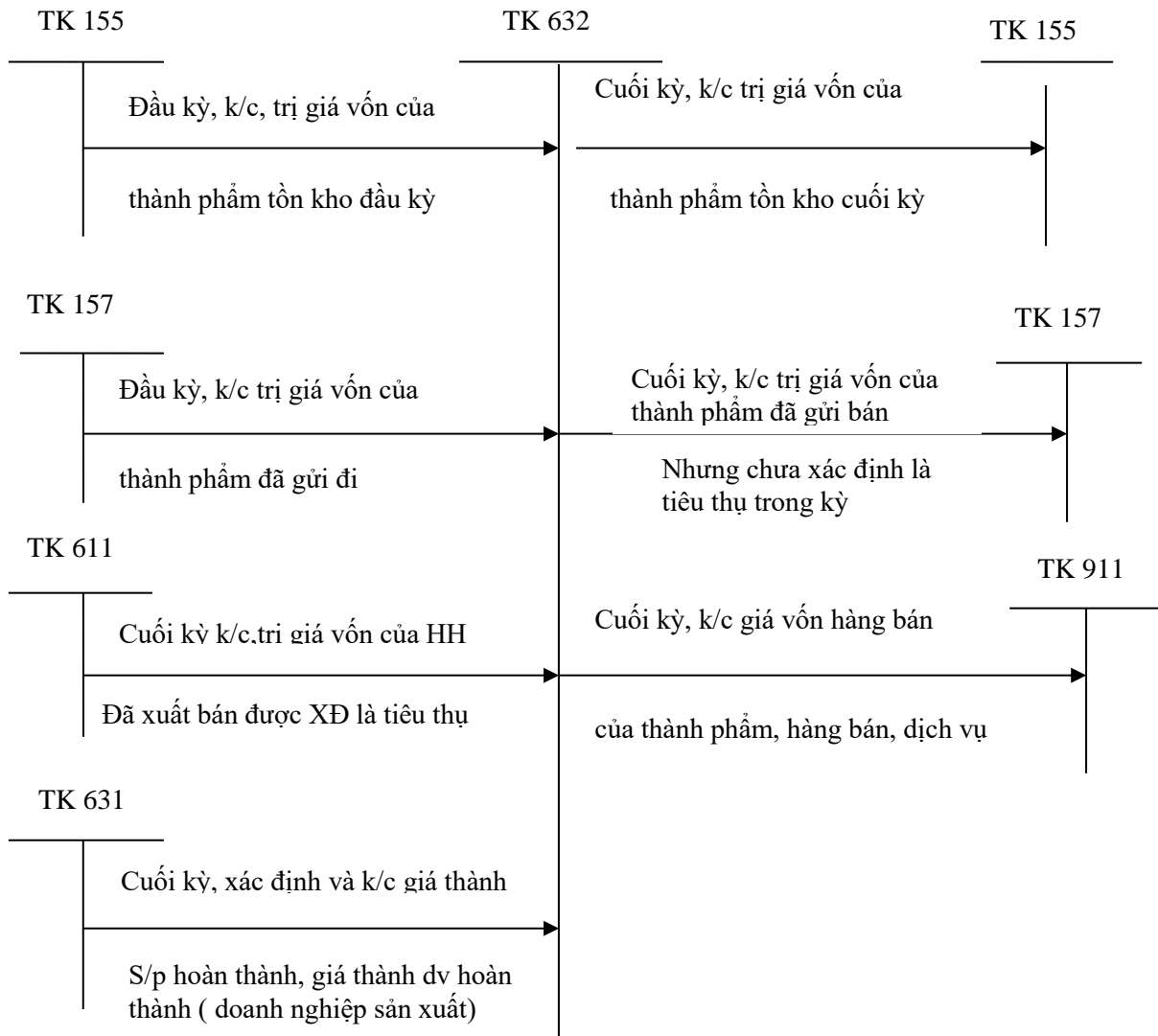
* Phương pháp hoạch toán:

Theo phương pháp kê khai thường xuyên (KKTX):



Sơ đồ 1.3 : Sơ đồ hạch toán giá vốn bán hàng theo phương pháp kê khai thường xuyên

Theo phương pháp kiểm kê định kỳ



Sơ đồ 1.4: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK

1.5.3: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

* Chứng từ sử dụng

- ✓ Hóa đơn GTGT, giấy báo nợ, phiếu chi
- ✓ Bảng lương, bảng phân bổ lương
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- ✓ Phiếu xuất kho vật liệu
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

* Tài khoản sử dụng

TK 642 - Chi phí quản lý kinh doanh: Tài khoản này phản ánh các chi phí quản lý của doanh nghiệp bao gồm các chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...) bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...)

Tài khoản 642 có 2 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 6421: Chi phí bán hàng
- + Tài khoản 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết cấu của tài khoản 642:

Bên Nợ:

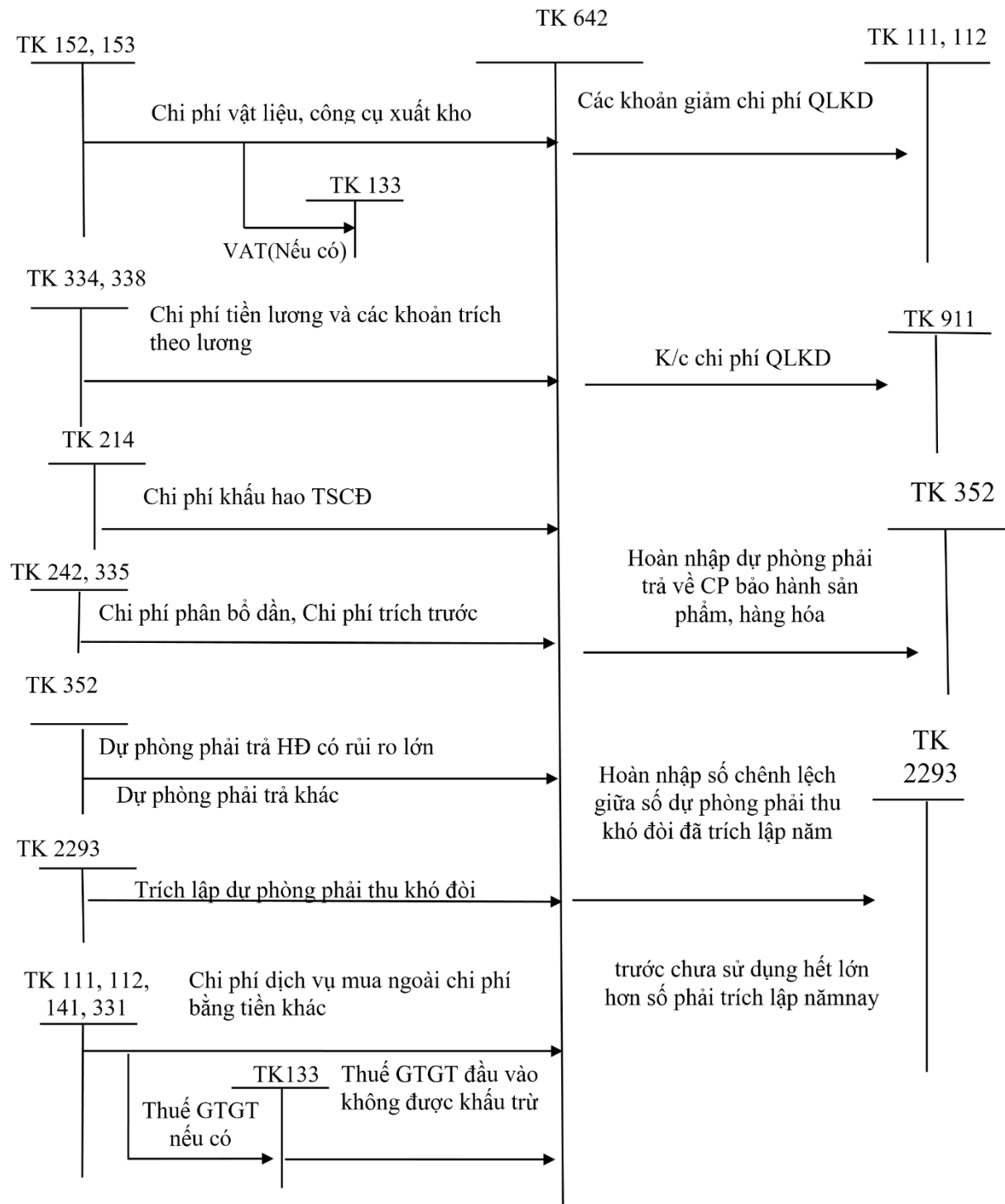
- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).

Bên Có:

- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh.
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 642 không có số dư.

* Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.6 : Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

* Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu
- Báo có
- Các chứng từ liên quan

* Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu tài chính khác của doanh nghiệp.

- Kết cấu tài khoản này như sau:

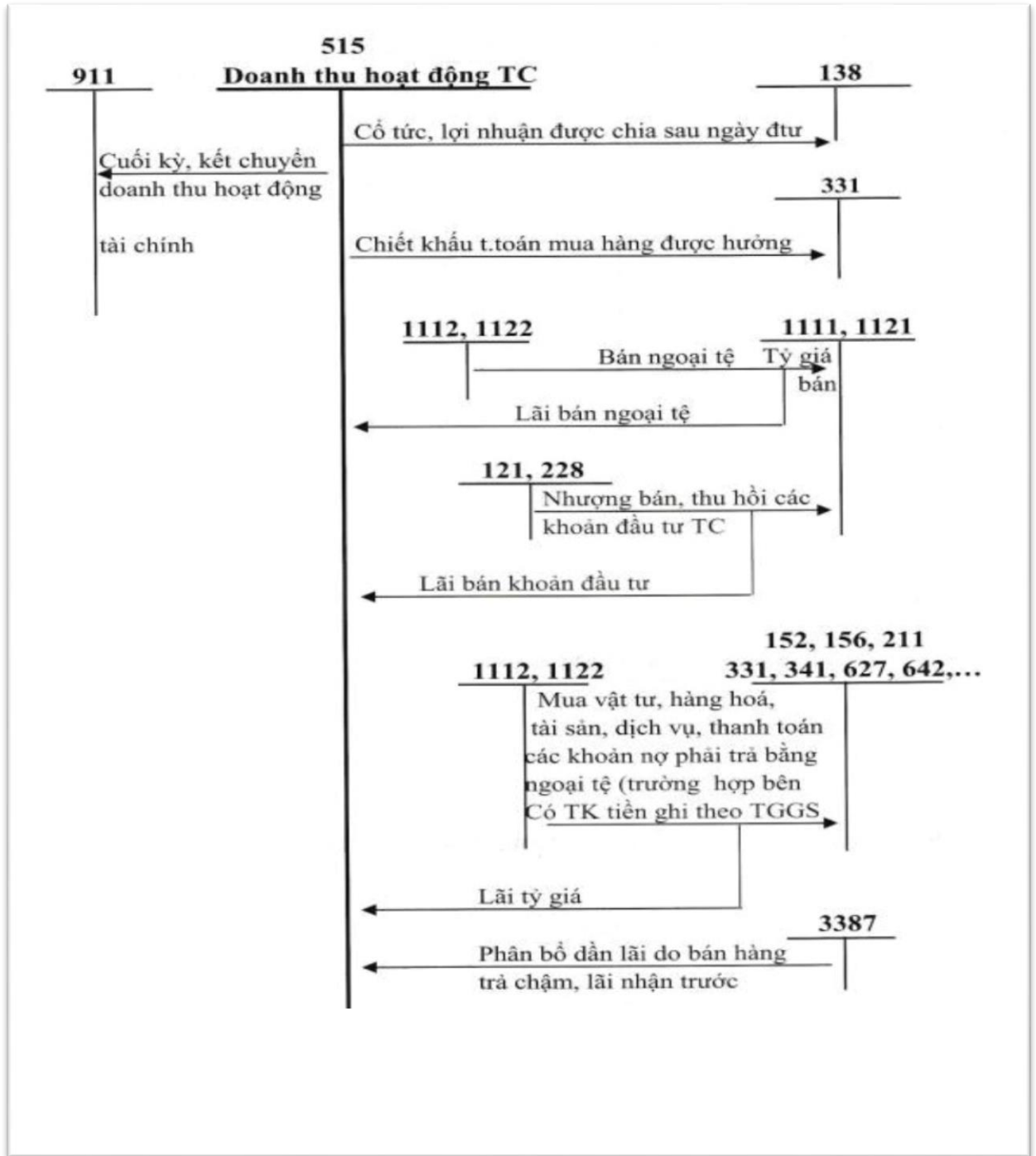
Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911

Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
 - Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết
 - Chiết khấu thanh toán được hưởng
 - Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh
 - Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ
 - Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- Tài khoản 515 không có số dư.

*Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.7. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác

1.7.1 Kế toán thu nhập khác

*** Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu,
- Biên bản thanh lý tài sản, hợp đồng kinh tế...
- Các giấy tờ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng**

• Tài khoản 711- Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc những khoản không mang tính chất thường xuyên như: thu từ nhượng bán TSCĐ, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi, các khoản thuế được NSNN hoàn lại,...

- Kết cấu tài khoản 711

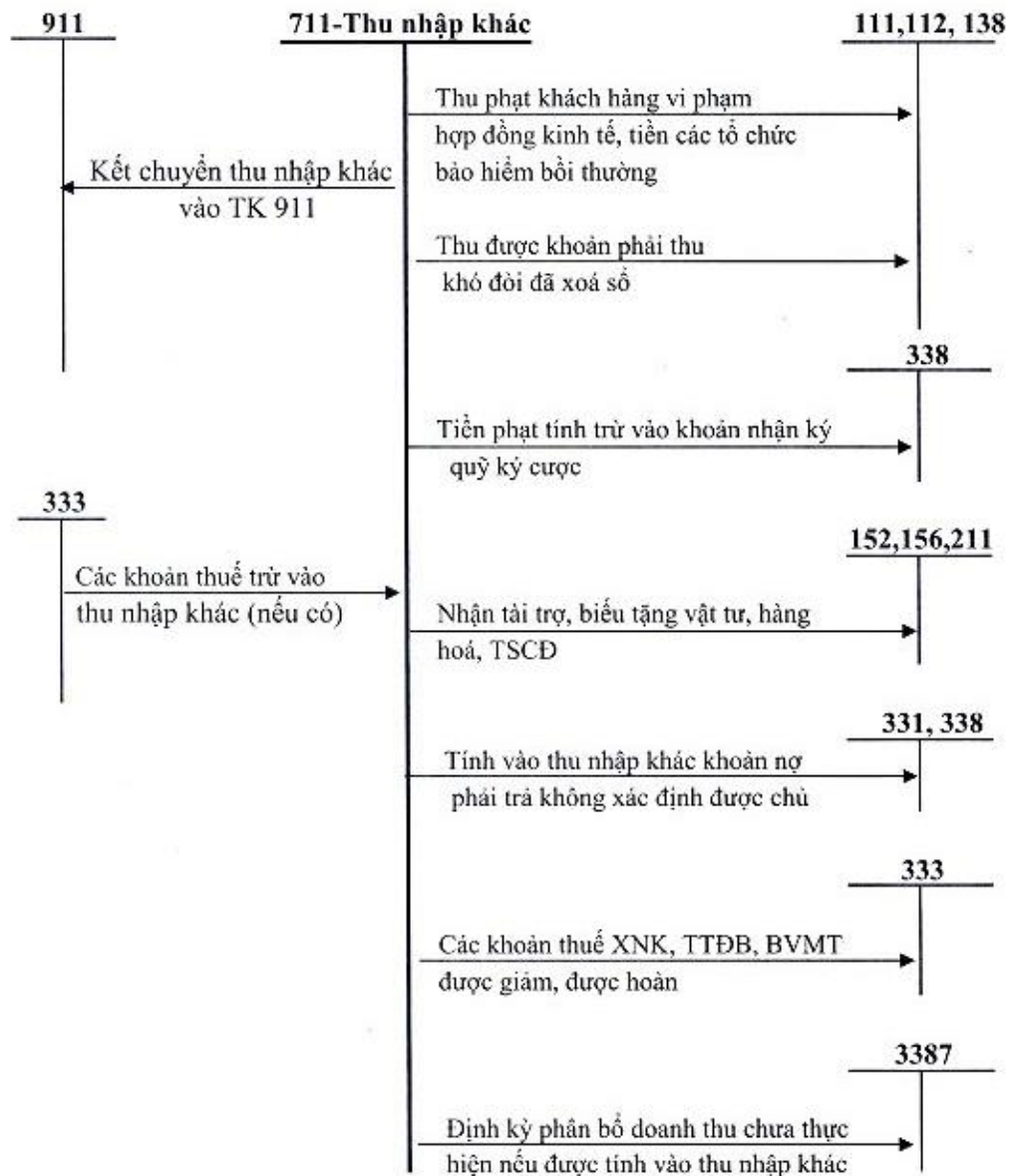
Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp
- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh sang tài khoản 911

Bên Có:

- Các tài khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ
 - Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
 - Thu tiền được khi khách hàng vi phạm hợp đồng.
 - Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
 - Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ
 - Các khoản thuế được NSNN hoàn lại
 - Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp
 - Các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót
- Tài khoản 711 không có số dư.

* Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

1.7.2 Kế toán chi phí khác

* Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

* Tài khoản sử dụng: **Tài khoản 811 – Chi phí khác**

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí xảy ra không thường xuyên, riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

Chi phí khác phát sinh gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có), tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, ...

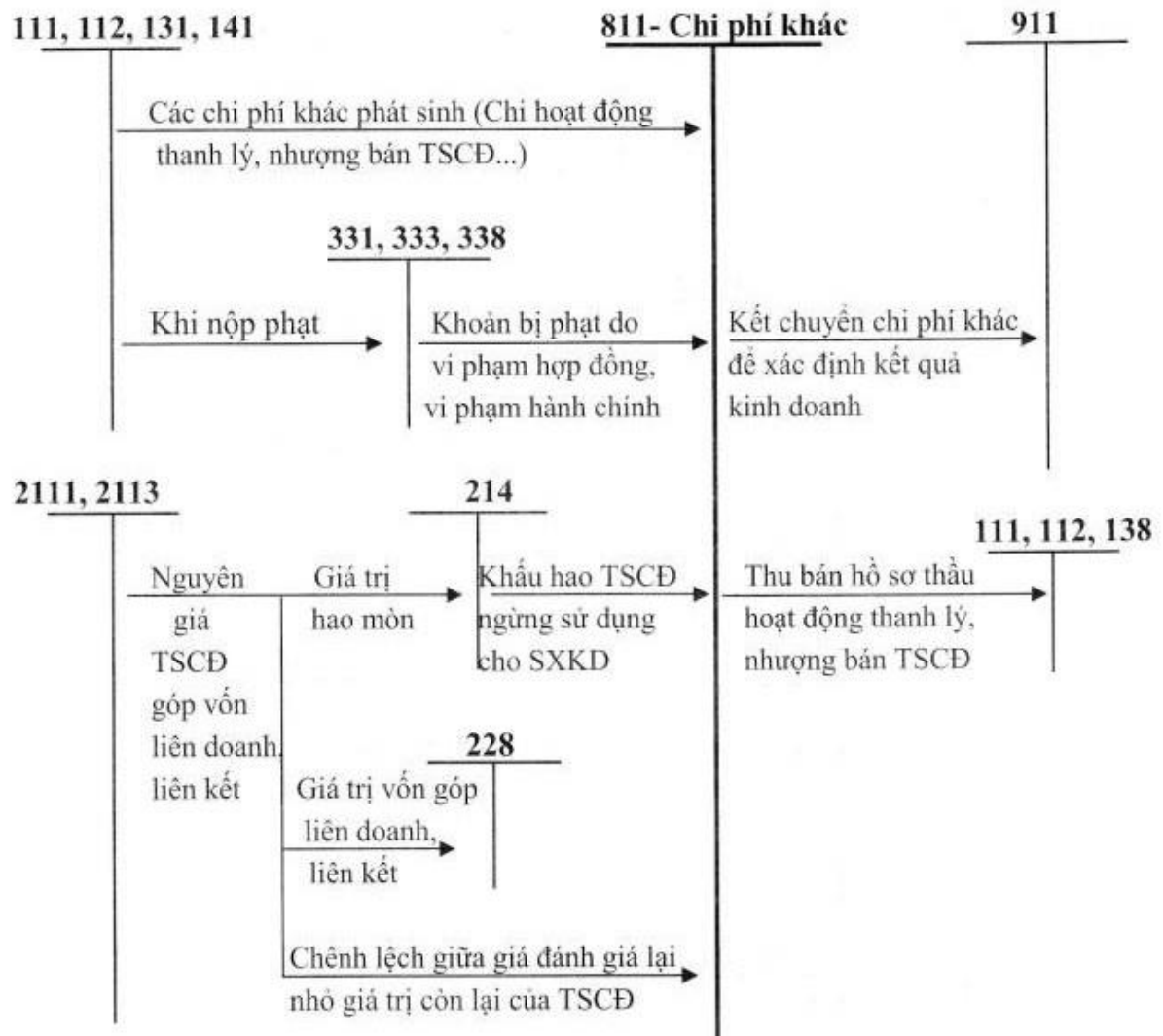
- Kết cấu của tài khoản 811

Bên Nợ: Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ

Bên Có: Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.

Tài khoản 811 không có số dư đầu và cuối kỳ.

* Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chi phí khác

1.8. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.

* Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

* Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán.

❖ Kết cấu của tài khoản 911

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí quản lý kinh doanh.
- Kết chuyển lãi.

Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư đầu và cuối kỳ.

- **Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

❖ Kết cấu của tài khoản 821

Bên Nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Bên Có:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm.
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.
- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- **Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối**
- ❖ Kết cấu của tài khoản 421

Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

Bên Có:

- Lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kì.
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh. Lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kì.
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

* Phương pháp hạch toán



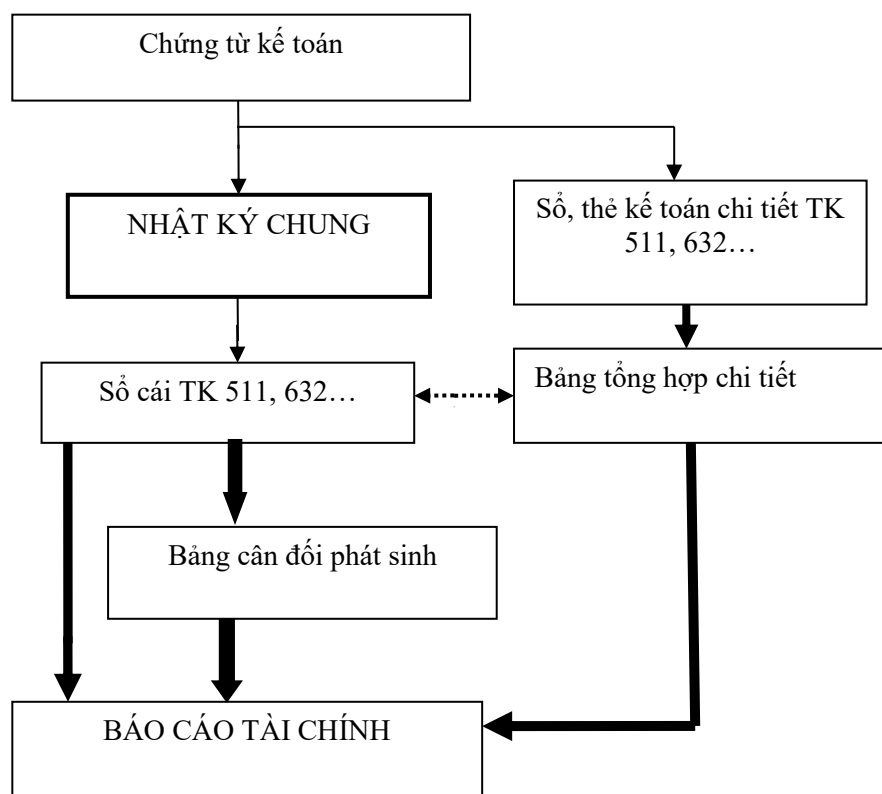
Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

1.9. Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán

1.9.1 Hình thức Nhật ký chung

* *Đặc trưng cơ bản:* Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

* *Trình tự ghi sổ:*



Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

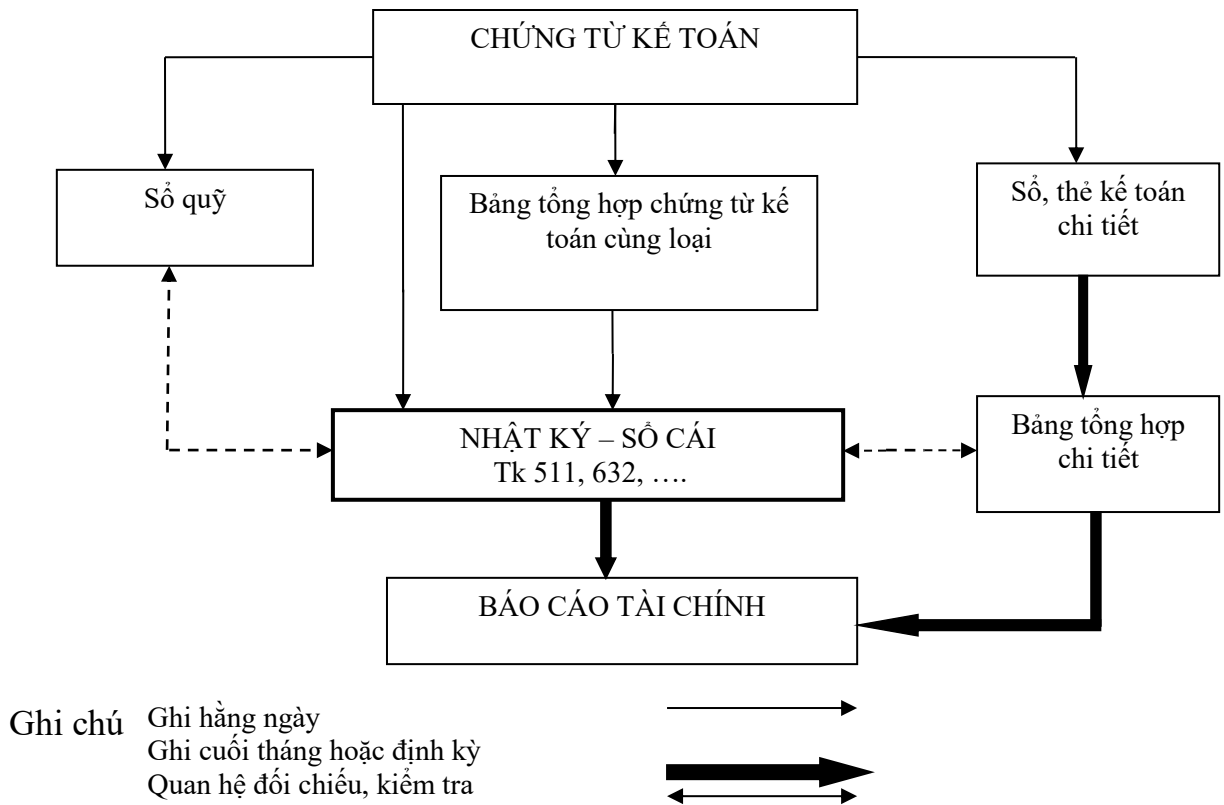
Sơ đồ 1.10:

Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

1.9.2 Hình thức Nhật ký - Sổ cái

* *Đặc trưng cơ bản:* Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đã được phản ánh trên các chứng từ kế toán đều được ghi vào sổ kế toán tổng hợp duy nhất là nhật ký sổ cái theo trình tự thời gian, ngoài các chứng từ kế toán, kế toán có thể dựa vào những số liệu đã được ghi nhận trên Bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại để ghi vào Nhật ký - Sổ cái.

* *Trình tự ghi sổ:*

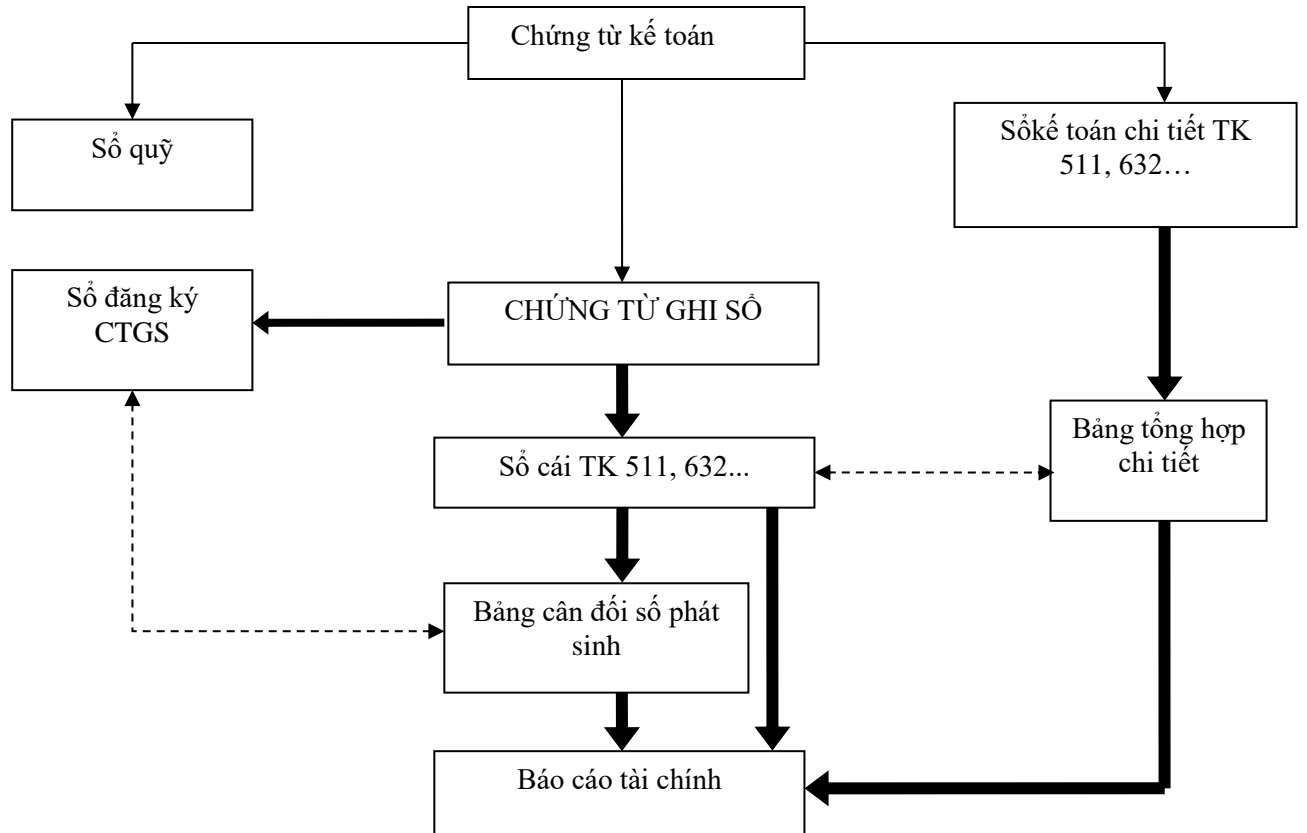


Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký – Sổ cái.

1.9.3 Hình thức Chứng từ ghi sổ

* *Đặc trưng cơ bản:* Căn cứ để ghi sổ kế toán tổng hợp là chứng từ ghi sổ.

* *Trình tự ghi sổ:*



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối kỳ →

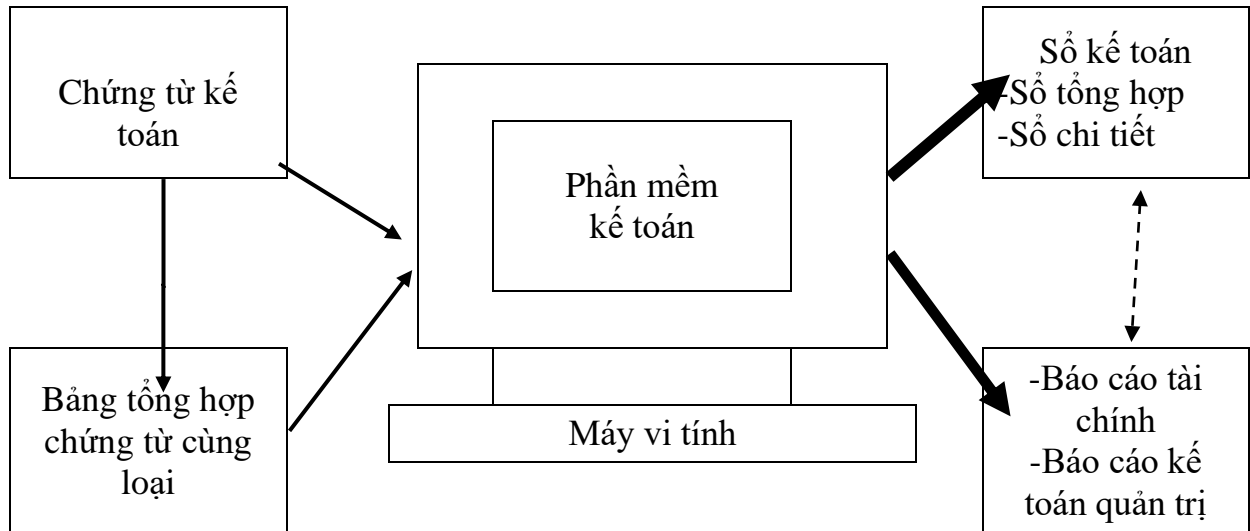
Đối chiếu, kiểm tra ↔

Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Chứng từ ghi sổ.

1.9.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính

* *Đặc trưng cơ bản:* Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong ba hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

* *Trình tự ghi sổ:*



Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày: →

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: →

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: ←- - - - -→

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán máy.

CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN VIỆT LONG

2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ Phần Đầu Tư khoáng sản Việt Long

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ Phần Đầu Tư khoáng sản Việt Long

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN VIỆT LONG

- Tên công ty: Công ty CP đầu tư khoáng sản Việt Long
- Tên giao dịch: VIET LONG MIVESCO
- Địa chỉ: Thôn Trang Quan (nhà ông Nguyễn Đức Hoàn), Xã An Đông, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng

- Mã số thuế: 0201804221

- Công ty CP đầu tư khoáng sản Việt Long được thành lập vào ngày 13/01/2016, sau khi thành lập đi vào hoạt động Công ty không ngừng phát triển cả về quy mô và chất lượng. Từ chỗ, ban đầu lĩnh vực hoạt động chính của công ty chỉ là lĩnh vực khai thác đá, do nhu cầu xây dựng trên thị trường ngày càng lớn và nhu cầu không ngừng phát triển của công ty nên từ năm 2016 công ty đã chuẩn bị cho chiến lược lĩnh vực khai thác đá, cát san lấp, sỏi, đất sét, lưu huỳnh. Để phù hợp với nền kinh tế thị trường, xu thế hội nhập và chiến lược phát triển lâu dài.

- Là một công ty chuyên lĩnh vực khai thác đá, cát san lấp, sỏi, đất sét, lưu huỳnh đơn vị hạch toán kinh doanh độc lập, tự chủ về tài chính và có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và hoạt động chính trong lĩnh khai thác. Cùng với sự đi lên của xã hội, sự cạnh tranh trong cơ chế thị trường ngày càng quyết liệt, Công ty CP đầu tư khoáng sản Việt Long đã hoạt động và trải qua nhiều biến cố thăng trầm vươn lên để tự khẳng định mình và hòa nhập với nền kinh tế năng động không

2.1.2. Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh tại công ty CP Đầu Tư khoáng sản Việt Long

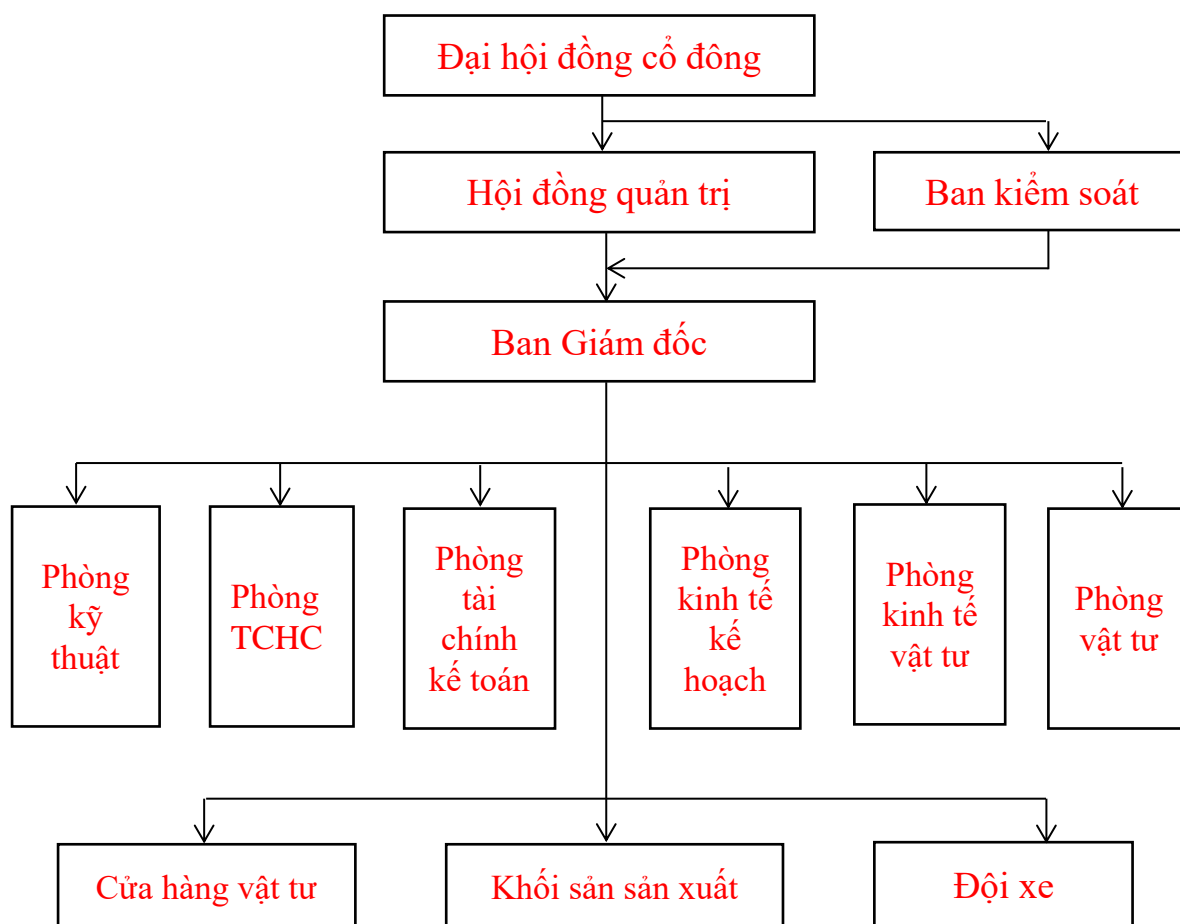
- Doanh thu và chi phí tại công ty CP Đầu Tư khoáng sản Việt Long được hạch toán riêng theo từng hoạt động: hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác.

- Kết quả kinh doanh được tập hợp chung cho 3 hoạt động để xác định thuế TNDN và lợi nhuận trong kỳ kế toán của công ty.

- Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh theo năm dương lịch.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty CP Đầu Tư khoáng sản Việt Long

Là doanh nghiệp khai thác khoáng sản, bộ máy của công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng. Theo mô hình này, bộ máy quản lý của công ty trở nên gọn nhẹ, đảm bảo được chế độ 1 thủ trưởng.



Sơ đồ 2.1 : Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long

* Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận:

Đại hội đồng cổ đông (ĐHCD): là cơ quan có thẩm quyền cao nhất quyết định mọi vấn đề quan trọng của Công ty theo Luật doanh nghiệp và điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua chủ trương, chính sách thông qua chủ trương, chính sách đầu tư dài hạn trong việc phát triển Công ty, quyết định cơ cấu vốn, bầu ra cơ quan quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị (HDQT): là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty giữa hai

kỳ đại hội cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để giải quyết mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên, có nhiệm kỳ là 3 năm do đại hội đồng cổ đông bầu và bãi nhiệm

Ban kiểm soát: là tổ chức thay mặt cổ đông để giám sát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát gồm 3 thành viên trong đó có ít nhất một kiểm soát viên có trình độ nghiệp vụ về tài chính kế toán. Kiểm soát viên phải là cổ đông của Công ty hoặc là người đại diện hợp pháp của cổ đông pháp nhân. Kiểm soát viên của Công ty trong thời gian đương nhiệm không được là thành viên HĐQT, Giám đốc, kế toán trưởng của Công ty và cũng không là người có liên quan của các thành viên trên. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 3 năm, do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi nhiệm

Giám đốc: Chịu trách nhiệm quản lý và giám sát mọi hoạt động của Công ty. Đồng thời chịu trách nhiệm quản lý trực tiếp về mặt kỹ thuật sản xuất kinh doanh.

Công ty có hệ thống phòng ban chức năng được tổ chức theo yêu cầu quản lý sản xuất kinh doanh, các phòng ban chịu sự chỉ đạo trực tiếp của giám đốc thông qua trưởng phòng. Nhiệm vụ của các phòng ban như sau:

- *Phòng kỹ thuật:* Do Phó tổng giám đốc kỹ thuật trực tiếp điều hành, có nhiệm vụ nghiên cứu kỹ thuật sản xuất, điều hành sản xuất, kiểm tra chất lượng vật tư, sản phẩm, tính toán đề ra các định mức, tỷ lệ tiêu hao nguyên vật liệu, nghiên cứu lập kế hoạch sản xuất, góp phần vào việc nâng cao năng suất thiết bị, chất lượng sản phẩm và giảm chi phí vật chất trong sản xuất.

- *Phòng tổ chức hành chính:* nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với giám đốc biện pháp giúp đỡ các đơn vị thực hiện đúng chế độ nguyên tắc thủ tục hành chính. Đồng thời quản lý các văn thư hành chính, lưu trữ tài liệu công văn, bảo quản con dấu của Công ty.

- *Phòng tài chính kế toán:* có nhiệm vụ tổ chức toàn bộ công tác hạch toán kế toán trong Công ty, phản ánh toàn bộ tài sản hiện có cũng như sự vận động của nó, tính giá thành sản phẩm, xác định kết quả kinh doanh, theo dõi công nợ, lập Báo cáo tài chính. Mặt khác phòng tài chính kế toán có trách nhiệm phân tích hoạt động kinh tế tài chính của Công ty, tham mưu cho Giám đốc trong việc quản lý và sử dụng vốn một cách có hiệu quả nhất

- *Phòng kế hoạch tiếp thị:* có nhiệm vụ đưa ra các kế hoạch giúp cho công ty quảng bá và thu hút khách hàng

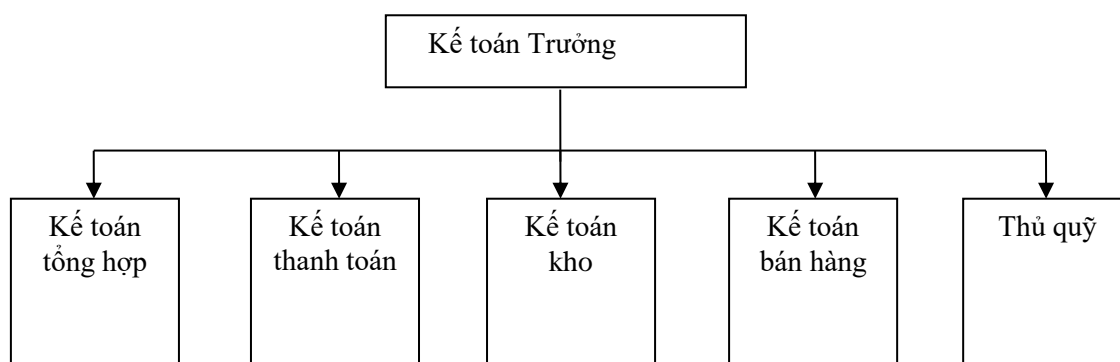
- *Phòng vật tư thiết bị:* có nhiệm vụ đưa ra kế hoạch mua vật tư, quản lý vật tư và các kho.

Các nhà máy, đội sản xuất: nhận và lập kế hoạch sản xuất, tổ chức triển khai thực hiện tốt mọi kế hoạch được giao đúng tiến độ đạt năng suất cao.

Các phòng ban trong Công ty luôn có mối quan hệ chặt chẽ, hỗ trợ nhau hoàn thành tốt các mục tiêu của Công ty thông qua việc tổ chức hoạt động tác nghiệp.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long.

2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long



Sơ đồ: 2.2: Bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long

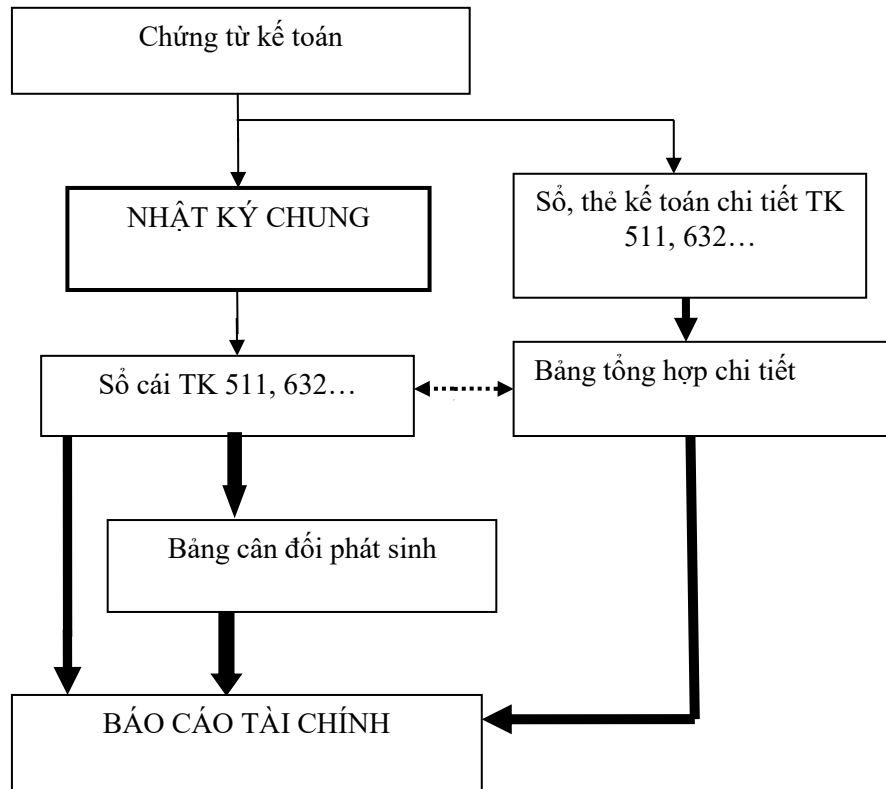
Chức năng của từng bộ phận kế toán :

- Kế toán trưởng
 - + Tổ chức hệ thống kế toán của doanh nghiệp để tiến hành ghi chép, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong hoạt động của Công ty.
 - + Thiết lập đầy đủ và gửi đúng hạn các báo cáo kế toán, thống kê và quyết toán theo quy định của nhà nước và Công ty.
 - + Chỉ đạo và kiểm tra việc bảo quản lưu trữ các tài liệu kế toán
 - + Thực hiện hoạt động quản lý ngân sách của doanh nghiệp
 - + Hoạch định và tham mưu với Ban Giám đốc Công ty các quyết định về tài chính
- Kế toán tổng hợp
 - + Kiểm tra, đối chiếu số giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết
 - + Kiểm tra thuế GTGT đầu vào, đầu ra và lập Tờ khai thuế GTGT hàng tháng.
 - + Thực hiện các bút toán khoá sổ cuối kỳ để thiết lập lên các Báo cáo tài chính quý.

- + Chịu trách nhiệm lập hồ sơ và các công việc liên quan đến việc hoàn thuế.
 - Kế toán thanh toán
 - + Lập chứng từ ban đầu (Phiếu thu, phiếu chi)
 - + Kiểm tra chứng từ thanh toán, đề nghị mức thanh toán
 - + Theo dõi và đôn đốc thanh toán các khoản công nợ
 - Kế toán kho
 - + Lập chứng từ nhập, xuất vật tư
 - + Lập báo cáo tồn kho, báo cáo tổng hợp nhập xuất tồn kho
 - + Thường xuyên: kiểm tra việc ghi chép vào thẻ kho của thủ kho
 - + Tham gia công tác kiểm kê định kỳ (hoặc đột xuất).
- Kế toán bán hàng
- + Hạch toán doanh thu bán hàng theo chi tiết từng loại mặt hàng, chủng loại mặt hàng, đơn đặt hàng, hợp đồng kinh tế.
 - + Quản lý công nợ phải thu của khách hàng
 - Thủ quỹ: Có nhiệm vụ chi tiền mặt khi có quyết định của lãnh đạo và thu tiền vốn vay của các đơn vị. theo dõi, ghi chép, phản ánh kịp thời đầy đủ chính xác tình hình tăng giảm và số tiền còn tồn tại quỹ.

2.1.4.2. Chế độ kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long

- + Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính.
- + Niên độ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.
- + Đồng tiền sử dụng trong hạch toán là loại tiền Việt Nam đồng (VNĐ).
- + Phương pháp tính thuế GTGT công ty đang áp dụng là phương pháp khấu trừ thuế GTGT.
- + Hạch toán tổng hợp hàng tồn kho theo phương pháp: Kế khai thường xuyên.
- + Phương pháp tính giá xuất kho: Phương pháp bình quân liên hoàn.
- + Phương pháp khấu hao : Công ty sử dụng phương pháp đường thẳng .
- + Hình thức kế toán áp dụng : Nhật ký chung



Ghi chú :

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ →
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←

Sơ đồ 2.3:

Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí tại công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long

2.2.1. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long

- Chứng từ sử dụng:
 - + Hóa đơn GTGT
 - + Chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng,...
 - + Các chứng từ liên quan khác: Hợp đồng mua bán,...
- Tài khoản sử dụng:
 - + TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - + TK liên quan khác: TK 111, TK 112,...

- Sổ sách sử dụng:
 - + Sổ Nhật ký chung
- Phương pháp hạch toán:

Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 1/12/2018, công ty bán 800 m³ Cát Vàng loại 1 cho Công ty TNHH Mai Hương theo hóa đơn số 0000490 (**Biểu số 2.1**) trị giá 158.400.000đ (đã bao gồm thuế VAT 10%), thanh toán bằng chuyển khoản. Căn cứ vào HĐ 0000490 (**Biểu số 2.1**) và giấy báo có (**Biểu số 2.2**) kế toán định khoản

Nợ TK 112: 158.400.000
 Có 511: 144.000.000
 Có 3331: 14.400.000

Sau đó ghi vào sổ NKC (**Biểu số 2.6**) và căn cứ vào sổ NKC (**Biểu số 2.6**), kết toán ghi Sổ cái TK 511 (**Biểu số 2.7**)

Ví dụ 2: Ngày 31/12/2018, Bán 2000 kg Lưu Huỳnh cho Doanh nghiệp tư nhân Hồng Hạnh theo hóa đơn số 0000508 (**Biểu số 2.3**) trị giá 55.000.000 (đã bao gồm thuế VAT 10%), khách hàng chưa thanh toán. Căn cứ vào HĐ 0000508 (**Biểu số 2.7**) kế toán định khoản:

Nợ TK 131: 55.000.000
 Có TK 511: 50.000.000
 Có TK 3331: 5.000.000

Sau đó ghi vào sổ NKC (**Biểu số 2.6**) và căn cứ vào sổ NKC (**Biểu số 2.6**), kết toán ghi Sổ cái TK 511 (**Biểu số 2.7**)

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 0000490

Mẫu số:01GTKT3/001

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: AB/17P

Liên 3: Nội bộ

Số: **0000490**

Ngày 01 tháng 12 năm 2018

Đơn vị bán hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN VIỆT LONG**

Mã số Thuế : 0201804221

Địa chỉ : Thôn Trang Quan, An Đông, H. An Dương, Hải Phòng

Số tài khoản : 01869099

Điện thoại : 0225.397.9997

Họ tên người mua hàng : Bùi Thị Ly

Tên đơn vị: **CÔNG TY TNHH MAI HƯƠNG**

Mã số thuế: 0200356827

Địa chỉ : TT Cát Bà – Huyện Cát Hải – Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Số tài khoản : 18431559

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Cát vàng loại 1	M3	800	180.000	144.000.000
Cộng tiền hàng:					144.000.000
Thuế suất GTGT:	10%	Tiền thuế GTGT:	14.400.000		
Tổng cộng tiền thanh toán:					158.400.000

Số tiền viết bằng chữ: Một trăm năm mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.


Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản Việt Long)

Biểu số 2.2: Giấy báo có.

 ASIA COMMERCIAL BANK NGÂN HÀNG Á CHÂU	Mã GDV: NTH Số:1501
GIẤY BÁO CÓ	
Ngày: 1/12/2018	
<p>Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN VIỆT LONG</p> <p>Mã số thuế: 0201804221</p> <p>Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:</p> <p>Số tài khoản ghi CÓ: 01869099</p> <p>Số tiền bằng số : 158.400.000</p> <p>Số tiền bằng chữ : <i>Một trăm năm mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.</i></p> <p>Nội dung: Công ty Mai Hương thanh toán tiền hàng</p>	
GIAO DỊCH VIÊN	KIỂM SOÁT VIÊN

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản Việt Long)

Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT số 0000508.

HÓA ĐƠN		Mẫu số: 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AB/17P			
Liên 3: Nội bộ		Số: 0000508			
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN VIỆT LONG					
Mã số thuế : 0201804221					
Địa chỉ : Thôn Trang Quan, An Đồng, H. An Dương, Hải Phòng					
Số tài khoản : 01869099					
Điện thoại: 0225.397.9997					
Họ tên người mua hàng: Bùi Thị Ly					
Tên đơn vị: Doanh nghiệp tư nhân Hồng Hạnh					
Mã số thuế: 0200466278					
Địa chỉ : 8 Phan Bội Châu, Hồng Bàng, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: Chuyển khoản					
Số tài khoản: 83198189					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Lưu Huỳnh bột	kg	2000	25.000	50.000.000
Cộng tiền hàng:					50.000.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		5.000.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					55.000.000
<i>Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi năm triệu đồng chẵn/.</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

*(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)**(Nguồn: Phòng kế toán Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản Việt Long)*

Biểu số 2.4: Trích sổ nhật ký chung.

Đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
KHOÁNG SẢN VIỆT LONG
Địa chỉ : Thôn Trang Quan, An Đông, H. An Dương,
Hải Phòng

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày
26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ/U'	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Tháng 12			

01/12	HĐ 0000490 BC1501	01/12	Bán cát vàng loại 1 cho công ty TNHH Mai Hương thu bằng chuyển khoản	112	158.400.000	
				511		144.000.000
				3331		14.400.000

31/12	HĐ 0000508	31/12	Bán chịu lưu huỳnh cho doanh nghiệp tư nhân Hồng Hạnh	131	55.000.000	
				511		50.000.000
				3331		5.000.000

			Cộng phát sinh cuối năm		98.256.142.321	98.256.142.321

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Giám đốc

(Ký, đóng dấu)

Người lập phiếu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long)

Biểu số 2.5: Trích sổ cái TK 511.

Đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
KHOÁNG SẢN VIỆT LONG
Địa chỉ : Trang Quan, An Đông, H. An
Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ
trưởng BTC)

SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Tài khoản: 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Năm 2018

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐÚ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			SDDK		-	-
...
01/12/2018	BC1501	01/12/2018	Bán hàng cho công ty thu bằng chuyển khoản	112		144.000.000
...
31/12/2018	HĐ 508	31/12/2018	Bán hàng cho Doanh nghiệp tư nhân Hồng Hạnh chưa thu tiền	131		50.000.000
...
31/12/2018	PKT31	31/12/2018	Kết chuyển doanh thu thuần	911	21.956.675.381	
			Số phát sinh		21.956.675.381	21.956.675.381
			SDCK		-	-

- Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang....
- Ngày mở sổ:.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long)

2.2.1.1. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long

Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng

- TK 632 - "Giá vốn hàng bán".

Sổ sách sử dụng:

- Nhật ký chung.
- Sổ cái TK 632
- Các tài khoản liên quan.

Ví dụ minh họa:

Ví dụ 1: Ngày 1/12/2018, công ty bán 800 m³ Cát Vàng loại 1 cho Công ty TNHH Mai Hương theo hóa đơn số 0000490(**Biểu số 2.1**) trị giá 158.400.000đ (đã bao gồm thuế VAT 10%), thanh toán bằng chuyển khoản. Kế toán xác định giá vốn xuất kho rồi lập phiếu xuất kho (**Biểu số 2.8**)

Đơn giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân liên hoàn.

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá Cát Vàng} \\ \text{loại 1 xuất kho ngày} \\ \text{1/12} \end{array} = \frac{\text{Trị giá Cát vàng loại 1 tồn trước khi} \\ \text{xuất kho}}{\text{Lượng Cát vàng loại 1 tồn trước khi} \\ \text{xuất kho}}$$

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{145.786.200}{1030} = 141.540/\text{m}^3$$

Số liệu đưa vào sổ công thức tính đơn giá được căn cứ vào sổ chi tiết thành phẩm mở cho Cát vàng loại 1.

=> Trị giá xuất của cát vàng loại 1 là: $800 \times 141.540 = 113.232.000\text{đ}$

Định khoản: *Nợ 632: 113.232.000*

Có 155: 113.232.000

Sau đó ghi vào sổ NKC (**Biểu số 2.10**) và căn cứ vào sổ NKC (**Biểu số 2.10**), kết toán ghi Sổ cái TK 632 (**Biểu số 2.11**).

Ví dụ 2: Ngày 31/12/2018, Bán 2000 kg Lưư Huỳnh cho Doanh nghiệp tư nhân Hồng Hạnh theo hóa đơn số 0000508 (*Biểu số 2.3*) trị giá 55.000.000 (đã bao gồm thuế VAT 10%), khách hàng chưa thanh toán. Kế toán xác định giá vốn xuất kho rồi lập phiếu xuất kho (*Biểu số 2.9*)

Đơn giá xuất kho : Lưư huỳnh

$$\begin{aligned} \text{Đơn Lưư huỳnh} & & \text{Trị giá lưư huỳnh tồn trước khi xuất kho} \\ \text{xuất kho ngày 31/12} & = & \frac{\hspace{10em}}{\hspace{10em}} \\ & & \text{Lượng lưư huỳnh tồn trước khi xuất kho} \\ \\ \text{Đơn giá xuất kho} & = & \frac{9.207.022}{2954} = 20.043đ /\text{kg} \end{aligned}$$

Số liệu đưa vào sổ công thức tính đơn giá được căn cứ vào sổ chi tiết hàng hóa mở cho lưư huỳnh.

=>Trị giá xuất của lưư huỳnh là:

$$2000 \times 20.043 = 40.086.000 \text{ đ}$$

Định khoản: *Nợ 632: 40.086.000*

Có 156: 40.086.000

Sau đó ghi vào sổ NKC (*Biểu số 2.10*) và căn cứ vào sổ NKC (*Biểu số 2.10*), kết toán ghi Sổ cái TK 632 (*Biểu số 2.11*).

Biểu 2.6. Phiếu xuất kho PX23

Đơn vị:	Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long	Mẫu số 02-VT					
Địa chỉ:	Trang Quan, An Đông, H. An Dương, Hải Phòng	<i>(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của BTC)</i>					
PHIẾU XUẤT KHO							
PX23							
<i>Ngày 1 tháng 12 năm 2018</i>							
Tên người nhận:	Nguyễn Thị Thanh						
Lý do xuất kho:	Xuất bán						
Xuất kho tại:	Công ty						
STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	MH	Đơn vị tính	SL		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
1	Cát vàng loại 1		kg	800	800	141.540	113.232.000
2							
3							
Cộng:							113.232.000
<p>-Tổng số tiền (viết bằng chữ): <i>Một trăm mười ba triệu hai trăm ba mươi hai nghìn đồng chẵn/.</i> -Số chứng từ kèm theo: 01 chứng từ gốc</p> <p style="text-align: right;"><i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i></p>							
K.T trưởng	Người lập phiếu	Người nhận	Thủ kho	Thủ trưởng đơn vị			

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long)

Biểu 2.7. Phiếu xuất kho PX42

Đơn vị:	Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long	Mẫu số 02-VT
Địa chỉ:	Trang Quan, An Đông, H. An Dương, Hải Phòng	<i>(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC Ngày 26/08/2016 của BTC)</i>
PHIẾU XUẤT KHO		PX42
Ngày 31 tháng 12 năm 2018		
Tên người nhận:	Nguyễn Thị Thanh	
Lý do xuất kho:	Xuất bán	
Xuất kho tại:	Công ty	

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	MH	Đơn vị tính	SL		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
1	Lưu huỳnh		kg	2000	2000	20.043	40.086.000
2							
3							
Cộng:							40.086.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): *Bốn mươi triệu không tám tám mươi sáu nghìn đồng chẵn.*
 - Số chứng từ kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

K.T trưởng	Người lập phiếu	Người nhận	Thủ kho	Thủ trưởng đơn vị
-------------------	------------------------	-------------------	----------------	--------------------------

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Dầu tư Khoáng sản Việt Long)

Biểu số 2.8: Trích sổ nhật ký chung.

Đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN VIỆT LONG			Mẫu số S03a - DN			
Địa chỉ : Trang Quan, An Đông, H. An Dương, Hải Phòng			<i>(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)</i>			
SỔ NHẬT KÝ CHUNG						
<i>Năm 2018</i>						
NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ/U'	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Tháng 12			

01/12	P XK23	01/12	Xuất bán cát vàng loại 1 cho Công ty TNHH Mai Hương	632	113.232.000	
				155		113.232.000

31/12	P XK42	31/12	Xuất bán Lưu huỳnh cho Doanh nghiệp tư nhân Hồng Hạnh	632	40.086.000	
				156		40.086.000

			Cộng phát sinh cuối năm		98.256.142.321	98.256.142.321
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>						
Giám đốc <i>(Ký, đóng dấu)</i>		Người lập phiếu <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		Kế toán trưởng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long)

Biểu số 2.9: Trích sổ cái TK 632.

Đơn vị : Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long

Mẫu số S03b - DN

Địa chỉ : Trang Quan, An Đông, H. An Dương, Hải Phòng

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2018

TK 632: Giá vốn hàng bán

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐÚ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ -	Có -
			<u>SDDK</u>		-	-
...
1/12	PX23	1/12	Xuất bán cát vàng loại 1 cho Công ty TNHH Mai Hương	155	113.232.000	
...
31/12	PX42	31/12	Xuất bán Lưu huỳnh cho Doanh nghiệp tư nhân Hồng Hạnh	155	40.086.000	
31/12	PKT33	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		17.089.576.700
			Số phát sinh		17.089.576.700	17.089.576.700
			<u>SDCK</u>		-	-

Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long)

2.2.1.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long.

Chứng từ sử dụng

- Các chứng từ thánh toán : Phiếu chi, hoá đơn GTGT
- Bảng thanh toán lương
- Bảng trích khấu hao TSCĐ,...

Tài khoản sử dụng

Để hạch toán chi phí bán hàng kế toán dùng tài khoản 642 - "Chi phí quản lý kinh doanh"

Sổ sách kế toán

- ✓ Sổ nhật ký chung
- ✓ Sổ cái tài khoản 642

Ví dụ minh họa:

Ví dụ 1: Ngày 15/12/2018, Thanh toán tiền điện thoại phục vụ cho bộ phận bán hàng hóa đơn số 0006945 (**Biểu số 2.12**) trị giá 2.546.940 (đã bao gồm VAT 10%) bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn số 0006945 (**Biểu 2.12**) và phiếu chi (**Biểu số 2.13**) kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 2.315.400

Nợ TK133 : 231.540

Có TK 111: 2.546.940

Sau đó ghi vào sổ NKC (**Biểu số 2.16**) và căn cứ vào sổ NKC (**Biểu số 2.16**), kết toán ghi Sổ cái TK 641 (**Biểu số 2.17**).

Ví dụ 2: Ngày 31/12/2018, thanh toán tiền thuê vận chuyển Công ty V.SRAR theo HĐ 0001200 trị giá 16.200.000đ (chưa VAT 10%) thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn số 0001200 (**Biểu số 2.14**) và phiếu chi (**Biểu số 2.15**) kế toán định khoản:

Nợ 642: 16.200.000

Nợ 133: 1.620.000

Có 111: 17.820.000

Sau đó ghi vào sổ NKC (**Biểu số 2.16**), căn cứ vào sổ NKC (**Biểu số 2.16**), kết toán ghi Sổ cái TK 641 (**Biểu số 2.17**).

Biểu số 2.10: Hóa đơn GTGT số 0006945.

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)		Mẫu số: 01GTKT0/001			
TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)		Ký hiệu(Serial No):			
Kỳ cước tháng		AB/18E			
		Số(No): 0006945			
Đơn vị bán hàng :Viễn thông thành phố Hải Phòng					
Mã số thuế: 0200287977					
Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray, Phường Lạch Tray, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng					
Tên khách hàng (Customer's name): Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long					
Địa chỉ (Address): Trang Quan, An Đông, H.An Dương, Hải Phòng					
Số thuê bao (Subscriber Number): 0225.3570456					
Hình thức thanh toán (Kind of Payment): Tiền mặt					
Mã số thuế: 0201804221					
STT	DỊCH VỤ SỬ DỤNG	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6=4x5
1	CUOC DỊCH VỤ VIEN THONG TP.HN TRA CUOC THANG 11/2018			0	2.315.400
<i>Cộng tiền dịch vụ(1)</i>					2.315.400
<i>Thuế suấtGTGT10%</i>			<i>Tiền thuế GTGT(2)</i>		231.540
<i>Tổng cộng tiền thanh toán (1+2)</i>					2.546.940
<i>Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu năm trăm bốn mươi sáu ngàn chín trăm bốn mươi đồng/.</i>					
Người nộp tiền <i>(Ký, họ tên)</i>			Ngày 15 tháng 12 năm 2018 Nhân viên giao dịch <i>(Ký, họ tên)</i>		
<i>(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long)</i>					

Biểu số 2.11: Phiếu chi 30/12.

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long	Mẫu số 02-TT			
Địa chỉ: Trang Quan, An Đông, H. An Dương, Hải Phòng	(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)			
PHIẾU CHI Số: 30/12 Ngày 15 tháng 12 năm 2018				
Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Huyền				
Địa chỉ: Công ty Viễn thông VNPT				
Lý do chi: Trả tiền hóa đơn số 0006945				
Số tiền: 2.546.940 đồng				
(Viết bằng chữ): Hai triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn chín trăm bốn mươi đồng./				
Kèm theo: 01 chứng từ gốc				
Ngày 15 tháng 12 năm 2018				
Người lập phiếu (ký, họ tên)	Người nhận tiền (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Giám đốc (ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long)

Biểu số 2.12: Hóa đơn GTGT số 0001200.

HÓA ĐƠN			Mẫu số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AB/17P		
Liên 2: Giao người mua			Số: 0001200		
Ngày 31 tháng 12 năm 2018					
Đơn vị bán hàng : CÔNG TY TNHH KHOÁNG SẢN V.STAR					
Mã số Thuế : 5200793228					
Địa chỉ : Tổ 13, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái					
Số tài khoản : 01858888					
Điện thoại : 0913.590.109					
Họ tên người mua hàng: Bùi Thị Ly					
Tên đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN VIỆT LONG					
Mã số thuế : 0201804221					
Địa chỉ : Trang Quan, An Đông, H. An Dương, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: Tiền mặt					
Số tài khoản: 01869099					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6= 4x5
1	Thuê vận chuyển hàng hóa	Cont	6	2.700.000	16.200.000
Cộng tiền hàng:					16.200.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		1.620.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					17.820.000
<i>Số tiền viết bằng chữ: Mười bảy triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng chẵn/.</i>					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng Sản Việt Long)

Biểu số 2.13: Phiếu chi số 38/12.

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long	Mẫu số 02-TT			
Địa chỉ: Trang Quan, An Đông, H. An Dương, Hải Phòng	(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)			
PHIẾU CHI Số 38/12 Ngày 31 tháng 12 năm 2018				
Họ và tên người nhận tiền: Trần Văn Hùng				
Địa chỉ: CÔNG TY TNHH KHOÁNG SẢN V.STAR				
Lý do chi: Thuê chuyển hàng hóa				
Số tiền: 17.820.000.(Viết bằng chữ): <i>Mười bảy triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng chẵn/..</i>				
Kèm theo: hóa đơn GTGT số 0001200 chứng từ gốc				
Ngày 31 tháng 12 năm 2018				
Người lập phiếu (ký, họ tên)	Người nhận tiền (ký, họ tên)	Thủ quỹ (ký, họ tên)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Giám đốc (ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long)

Biểu số 2.14: Trích sổ nhật ký chung.

Đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN VIỆT LONG

Mẫu số S03a - DN

Địa chỉ : Trang Quan, An Đồng, H. An Dương, Hải Phòng

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ/U	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Tháng 12			

15/12	HĐ0006945 PC30/12	15/12	Cước điện thoại tháng 11 của bộ phận bán hàng	642	2.315.400	
				133	231.540	
				111		2.546.940

31/12	HĐ0001200 PC38/12	31/12	Thuê vận chuyển hàng hóa	642	16.200.000	
				133	1.620.000	
				111		17.820.000

			Cộng phát sinh cuối năm		98.256.142.321	98.256.142.321

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Giám đốc

Người lập phiếu

Kế toán trưởng

(Ký, đóng dấu)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long)

Ví dụ 3 : Ngày 13/12/2018, mua văn phòng phẩm phục vụ cho bộ phận quản lý doanh nghiệp theo hóa đơn số 0001400 (**Biểu số 2.20**) trị giá 2.525.500 (Chưa thuế GTGT 10%) thu ngay bằng tiền mặt.

Căn cứ vào hóa đơn 0001400 (**Biểu số 2.20**) và phiếu chi (**Biểu 2.21**) kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 2.526.500

Nợ TK133: 252.650

Có TK 111: 2.779.150

Sau đó ghi vào sổ NKC (**Biểu số 2.22**) và căn cứ vào sổ NKC (**Biểu số 2.22**), kết toán ghi Sổ cái TK 642 (**Biểu số 2.23**).

Biểu số 2.15. Hóa đơn giá trị gia tăng

HÓA ĐƠN				Mẫu số: 01GTKT3/001	
GIÁ TRỊ GIA TĂNG				Ký hiệu: AA/17P	
Liên 2: Giao cho khách hàng				Số: 0001400	
Ngày 13 tháng 12 năm 2018.					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THANH TÂM					
Mã số thuế: 0201008787					
Địa chỉ: Số 158 Trần Nguyên Hãn, phường Trần Nguyên Hãn, quận LC, HP					
Số tài khoản: 19035673450868					
Số điện thoại: 0225.3557426					
Họ tên người mua hàng: Bùi Thị Ly					
Tên đơn vị: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN VIỆT LONG					
Mã số thuế: 0201804221					
Địa chỉ : Thôn Trang Quan, An Đông, H. An Dương, Hải Phòng					
Số tài khoản: 01869099					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Giấy inA4	Ram	15	83.000	1.245.000
02	Bút bi	Hộp	8	150.000	1.200.000
03	Ghim dập	Hộp	10	8.150	81.500
Cộng tiền hàng:					2.526.500
Thuế suất GTGT: 10 %			Tiền thuế GTGT:		252.650
Tổng cộng tiền thanh toán:					2.779.150
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn một trăm năm mươi đồng.					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Đã ký)		(Đã ký)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long)

Biểu số 2.16: Phiếu chi số 25/12.

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long	<i>Mẫu số 02-TT</i>			
Địa chỉ: Thôn Trang Quan, An Đông, H. An Dương, Hải Phòng	<i>(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)</i>			
PHIẾU CHI Số 25/12 <i>Ngày 13 tháng 12 năm 2018</i>				
Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Hoa				
Địa chỉ: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ THANH TÂM				
Lý do chi: Mua văn phòng phẩm				
Số tiền: 2.779.150 .(Viết bằng chữ): : Hai triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn một trăm năm mươi đồng/.				
Kèm theo: hóa đơn GTGT số 0001400 chứng từ gốc				
<i>Ngày 13 tháng 12 năm 2018</i>				
Người lập phiếu <i>(ký, họ tên)</i>	Người nhận tiền <i>(ký, họ tên)</i>	Thủ quỹ <i>(ký, họ tên)</i>	Kế toán trưởng <i>(ký, họ tên)</i>	Giám đốc <i>(ký, họ tên)</i>

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long)

Biểu số 2.17: Trích sổ nhật ký chung.

Đơn vị : Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long
Địa chỉ :Thôn Trang Quan, An Đông, H. An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03a - DN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC
ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số phát sinh		
	Số hiệu	NT		TK Đ/U'	Nợ	Có
			Tháng 12			

13/12	HĐ0001400 PC25/12	13/12	Mua văn phòng phẩm	642	2.526.500	
				133	252.650	
				111		2.799.150

			Cộng phát sinh cuối năm		98.256.142.321	98.256.142.321

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Giám đốc

(Ký, đóng dấu)

Người lập phiếu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng Sản Việt Long)

Biểu số 2.18: Trích sổ cái TK 642.

Đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
KHOÁNG SẢN VIỆT LONG

Mẫu số S03b - DN
*(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày
26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)*

Địa chỉ : Thôn Trang Quan, An Đông, H. An
Dương, Hải Phòng

SỔ CÁI

Năm 2018

TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐÚ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			<u>SĐĐK</u>		-	-
...
15/12	PC30/12	15/12	Cước điện thoại	111	2.546.940	
31/12	PC38/12	31/12	Cước vận chuyển		17.820.000	
13/12	PC25/12	13/12	Mua văn phòng phẩm	111	2.526.500	
...
31/12	PKT35	31/12	Kết chuyển Cp QLDN	911		2.753.609.264
			Số phát sinh		2.753.609.264	2.753.609.264
			<u>SDCK</u>		-	-

Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ:.....

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Việt Nam CMT)

2.2.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long.

Chứng từ sử dụng:

- Giấy báo có, giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng:

- Tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính
- Tài khoản 635 – Chi phí hoạt động tài chính

Sổ sách kế toán:

- Sổ nhật kí chung
- Sổ cái TK 515,635

Ví dụ minh họa:

Ví dụ: Ngày 31/12/2018, Công ty nhận được giấy báo Có của ngân hàng về lãi tiền gửi Ngân hàng ACB- Chi nhánh Hải Phòng theo giấy báo có số 00207 (**Biểu số 2.24**) trị giá 523.600đ

Căn cứ vào giấy báo có (**Biểu số 2.24**) kế toán định khoản:

Nợ TK 112: 523.600

Có TK 515: 523.600

Sau đó ghi vào sổ NKC (**Biểu số 2.25**) và căn cứ vào sổ NKC (**Biểu số 2.25**), kế toán ghi Sổ cái TK 515 (**Biểu số 2.26**).

Biểu số 2.19: Giấy báo có.



GIẤY BÁO CÓ

Ngày 31/12/2018

Mã GDV: NTH

SỐ GD: 00207

Kính gửi : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN VIỆT LONG**

Mã số thuế : 0201804221

Hôm nay chúng tôi xin báo đã được ghi CÓ tài khoản của Quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có: 01869099

Số tiền bằng số: 523.600

Số tiền bằng chữ: Năm trăm hai mươi ba nghìn sáu trăm đồng/.

Nội dung: Lãi tiền gửi

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long)

Biểu số 2.20: Sổ nhật ký chung.

Đơn vị : Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt

Mẫu số S03a - DN

Địa chỉ : Thôn Trang Quan, An Đông, H. An Dương, Hải Phòng

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ/U'	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
			Tháng 12			

31/12	BC207	31/12	Lãi tiền gửi	112	523.600	
				515		523.600

			Cộng phát sinh cuối năm		98.256.142.321	98.256.142.321

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Giám đốc

(Ký, đóng dấu)

Người lập phiếu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long)

Biểu số 2.21: Sổ cái TK 515.

Đơn vị : Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long
Địa chỉ : Thôn Trang Quan, An Đông, H. An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03b - DN
(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)
Tài khoản: 515- Doanh thu hoạt động tài chính
Năm 2018

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	TKĐƯ	SỐ TIỀN	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
...
31/12	BC207	31/12/2018	Lãi tiền gửi	112		523.600
31/12	PKT32	31/12/2018	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	10.473.695	
			Cộng phát sinh		10.473.695	10.473.695
			Số dư cuối kỳ		-	-

Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long)

➤ **Trong năm 2018, không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến TK 635.**

2.2.3. Nội dung kế toán thu nhập, chi phí hoạt động khác tại Công ty cổ phần đầu tư khoáng sản Việt Long.

Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi,...
- Giấy báo có, giấy báo nợ,..

Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 711 – Thu nhập khác
- Tài khoản 811 – Chi phí khác

Sổ sách kế toán

- Sổ nhật ký chung
 - Sổ cái TK 711,811
- ***Trong năm 2018, không phát sinh các nghiệp vụ liên quan đến TK 711, TK 811.***

2.2.4. Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long.

Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
- Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Sổ sách kế toán

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 421; 821; 911

Ví dụ minh họa:

Ngày 31/12/2018 kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí để xác định kết quả kinh doanh.

Căn cứ vào phiếu kế toán (**Biểu số 2.27, 2.28, 2.29, 2.30, 2.31, 2.32, 2.33, 2.34**) kế toán định khoản:

Nợ 511: 21.956.675.381
 Có 911: 21.956.675.381

Nợ 515: 10.473.695
 Có 911: 10.473.695

Nợ 911: 17.089.576.700
 Có 632: 17.089.576.700

Nợ 911: 2.753.609.264
 Có 642: 2.753.609.264

Nợ 821: 424.792.622
 Có 3334: 424.792.622

Nợ 911: 424.792.622
 Có 821: 424.792.622

Nợ 911: 1.699.170.490
 Có 421: 1.699.170.490

Sau đó ghi vào sổ NKC (**Biểu số 2.35**) và căn cứ vào sổ NKC (**Biểu số 2.35**), kết toán ghi Sổ cái TK 911 (**Biểu số 2.36**), sổ cái TK 821 (**Biểu số 2.37**) và sổ cái TK 421 (**Biểu số 2.38**).

Biểu số 2.22: Phiếu kế toán số 31.

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Số 31				
STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511	911	21.956.675.381
	Cộng			21.956.675.381
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>				
Kế toán trưởng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>			Người lập biểu <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long)

Biểu số 2.23: Phiếu kế toán số 32.

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Số 32				
STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính	515	911	10.473.695
	Cộng			10.473.695
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>				
Kế toán trưởng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>			Người lập biểu <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long)

Biểu số 2.24: Phiếu kế toán số 33.

Đơn vị : Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Số 33				
STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	17.089.576.700
	Cộng			17.089.576.700
Ngày 31 tháng 12 năm 2018				
Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)			Người lập biểu (Ký, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long)

Biểu số 2.25: Phiếu kế toán số 34.

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Số 34				
STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển Chi phí quản lý kinh doanh	911	642	2.753.609.264
	Cộng			2.753.609.264
Ngày 31 tháng 12 năm 2018				
Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)			Người lập biểu (Ký, ghi rõ họ tên)	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long)

Biểu số 2.26: Phiếu kế toán số 35.

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Số 35				
STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Chi phí thuế TNDN	821	3334	424.792.622
	Cộng			424.792.622
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>				
Kế toán trưởng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>			Người lập biểu <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long)

Biểu số 2.27: Phiếu kế toán số 35.

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Số 36				
STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển thuế TNDN	911	821	424.792.622
	Cộng			424.792.622
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>				
Kế toán trưởng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>			Người lập biểu <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long)

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long				
PHIẾU KẾ TOÁN				
Số 37				
STT	Diễn giải	TKĐƯ		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lãi	911	421	1.699.170.490
	Cộng			1.699.170.490
<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>				
Kế toán trưởng <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>			Người lập biểu <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long)

Biểu số 2.29: Trích sổ nhật ký chung.

Đơn vị : Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long

Địa chỉ : Thôn Trang Quan, An Đông, H. An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S03a - DN

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK Đ/U'	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có

31/12	PKT 31	31/12	Kết chuyển DT BH	511	21.956.675.381	
				911		21.956.675.381
31/12	PKT 32	31/12	Kết chuyển DT HĐTC	515	10.473.695	
				911		10.473.695
31/12	PKT 33	31/12	Kết chuyển giá vốn	911	17.089.576.700	
				632		17.089.576.700
31/12	PKT 35	31/12	Kết chuyển CPQLKD	911	2.753.609.264	
				642		2.753.609.264
31/12	PKT 36	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	424.792.622	
				3334		424.792.622
31/12	PKT 37	31/12	Chi phí thuế TNDN	911	424.792.622	
				821		424.792.622
31/12	PKT 38	31/12	Lãi sau thuế	911	1.699.170.490	
				421		1.699.170.490
			Cộng phát sinh cuối năm		98.256.142.321	98.256.142.321

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Người lập phiếu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long)

Biểu số 2.30: Trích sổ cái TK 911.

<p>Đơn vị : Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long</p> <p>Địa chỉ : Thôn Trang Quan, An Đông, H. An Dương, Hải Phòng</p>		<p>Mẫu số S03b – DN</p> <p><i>(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)</i></p>			
<p>SỔ CÁI</p> <p>Năm 2018</p> <p>Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh</p>					
Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		SDDK			
PKT 31	31/12	Kết chuyển DTBH	511		21.956.675.381
PKT 32	31/12	Kết chuyển DTHĐTC	515		10.473.695
PKT 33	31/12	Kết chuyển GVHB	632	17.089.576.700	
PKT 35	31/12	Kết chuyển CPQLKD	642	2.753.609.264	
PKT 37	31/12	Kết chuyển thuế TNDN	821	424.792.622	
PKT 38	31/12	Kết chuyển lãi	421	1.699.170.490	
		Số phát sinh		21.967.149.076	21.967.149.076
		SDCK			

Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

- Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

<p>Người ghi sổ (ký, họ tên)</p>	<p>Kế toán trưởng (ký, họ tên)</p>	<p>Giám đốc (ký, họ tên, đóng dấu)</p>
---------------------------------------------	-----------------------------------------------	---------------------------------------------------

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long)

Biểu số 2.31: Sổ cái TK 821.

Đơn vị : Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long

Mẫu số S03b - DN

Địa chỉ : Thôn Trang Quan, An Đông, H. An Dương, Hải Phòng

(Ban hành theo TT 133/2016/TT-BTC

ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2018

TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
SH	NT			Nợ	Có
		<u>SDĐK</u>			
PKT36	31/12	Thuế TNDN phải nộp	3334	424.792.622	
PKT37	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		424.792.622
		Số phát sinh		424.792.622	424.792.622
		<u>SDCK</u>			

Sổ này có...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: ...

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Kế toán ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng Sản Việt Long)

Biểu số 2.32: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long

Mẫu số : B02-DN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

Địa chỉ: Thôn Trang Quan, An Đông, H. An Dương, Hải Phòng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		21.956.675.381	19.335.144.412
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)	10		21.956.675.381	19.335.144.412
4. Giá vốn hàng bán	11		17.089.576.700	14.982.984.629
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		4.867.098.681	4.352.159.783
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		10.473.695	8.946.391
7. Chi phí tài chính	22			
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
9. Chi phí quản lý kinh doanh	26		2.753.609.264	2.666.507.166
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 – 22) – 26}	30		2.123.963.112	1.694.599.008
11. Thu nhập khác	31			
12. Chi phí khác	32			
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40			
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.123.963.112	1.694.599.008
15. Chi phí thuế TNDN	51		424.792.622	338.919.802
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)	60		1.699.170.490	1.355.679.206

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng Kế toán Công ty Cổ Phần Đầu Tư Khoáng Sản Việt Long)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

**CHƯƠNG III:
MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ KHOÁNG SẢN VIỆT LONG**

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả nói riêng tại Công ty Cổ Phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long.

Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long đã hoạt động trong lĩnh vực khoáng sản qua nhiều năm hình thành, phát triển với sự phấn đấu vươn lên không ngừng nghỉ công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long đã chứng minh được vị thế của mình trên thị trường.

Để đạt được những thành tựu trên phải kể đến công sức lao động của cán bộ công nhân viên toàn công ty nói chung và đặc biệt là Phòng Kế toán Tài chính nói riêng đã đóng vai trò hết sức quan trọng trong thành tựu chung mà công ty đã đạt được trong thời gian qua. Nhìn chung bộ máy kế toán được tổ chức phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty, thực hiện hiệu quả công việc và nhiệm vụ được giao

Qua thời gian thực tập tại Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long, em nhận thấy tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty đã đạt được kết quả như sau:

3.1.1. Ưu điểm:

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán tại Công ty Cổ Phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long. Bởi lẽ nó liên quan đến việc xác định kết quả và khoản thu nhập thực tế vào phần phải nộp cho ngân sách nhà nước đồng thời nó phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông trên cơ sở đặc điểm của phần hành kế toán doanh thu, chi phí đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn. Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh bên cạnh việc cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng như cơ quan thuế, ngân hàng.....Cung cấp đầy đủ thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp giúp ban giám đốc doanh nghiệp có những quyết định về hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm và chiến lược năm

bất kịp thời, đúng đắn và hiệu quả.

Về bộ máy quản lý:

- Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với nhiệm vụ kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời, nhanh chóng cho các cấp quản lý.

- Đội ngũ cán bộ công nhân viên năng động, ham học hỏi, có trình độ và Ban lãnh đạo có năng lực, luôn quan tâm đến cán bộ nhân viên trong Công ty.

Về bộ máy kế toán:

- Bộ máy kế toán Công ty gọn nhẹ, phân công công việc rõ ràng, mỗi người phụ trách một mảng riêng đảm bảo công việc nhưng vẫn phối hợp rất ăn ý, chặt chẽ.

- Về nhân sự đội ngũ nhân viên phòng kế toán là những người có tính độc lập, trình độ chuyên môn cao, có kiến thức thực tế, sự nhiệt tình và lòng yêu nghề, được bố trí hợp lý tạo điều kiện nâng cao trách nhiệm trong công việc được giao, phát huy được năng lực làm việc của mỗi người.

- Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác kịp thời nên việc đối chiếu, kiểm tra số liệu với bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi dễ dàng. Đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

3.1.2. Hạn chế:

➤ Công ty không hạch toán chi tiết doanh thu, chi phí nhằm theo dõi doanh thu, chi phí và lợi nhuận của từng mặt hàng.

➤ Công ty chưa tiến hành phân bổ chi phí kinh doanh cho từng mặt hàng.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh:

Trong công tác hạch toán kế toán tại doanh nghiệp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phần hành kế toán kế thừa nhiều kết quả của các phần hành kế toán khác, do đó việc hoàn thiện nó phải mang tính toàn diện, tổng thể. Việc hoàn thiện này có ý nghĩa rất lớn. Đối với công tác kế toán thì việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh góp phần nâng cao tính hài hòa chặt chẽ giữa các phần hành kế toán trong doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả của công tác kế toán, do đó tiết kiệm được thời gian, chi phí cũng như nguồn lực con người. Bất kỳ một nhà quản lý nào đều mong muốn có được thông tin chính xác, kịp thời để đưa ra quyết định chính xác nhất và nguồn thông tin kế toán luôn được quan tâm hàng đầu, như vậy hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng là tăng hiệu quả kinh doanh.

Vì vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp là một tất yếu khách quan đòi hỏi doanh nghiệp luôn có ý thức trong việc tìm ra các giải pháp hoàn thiện tích cực phù hợp với sự biến động của nền kinh tế thị trường.

- Phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do Nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt để phù hợp với đặc điểm, tình hình kinh doanh của công ty.

- Hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Việc vận dụng hệ thống, chế độ, thể lệ tài chính kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long có những phương hướng sau:

- Hoàn thiện trên cơ sở thông tin phải nhanh chóng, kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, giúp người quản lý nắm bắt tình

hình sản xuất kinh doanh từ đó có quyết định đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp.

- Hoàn thiện trên cơ sở tiết kiệm chi phí nhằm đạt được hiệu quả tốt nhất.

3.4. Nội dung hoàn thiện tổ chức kết toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long

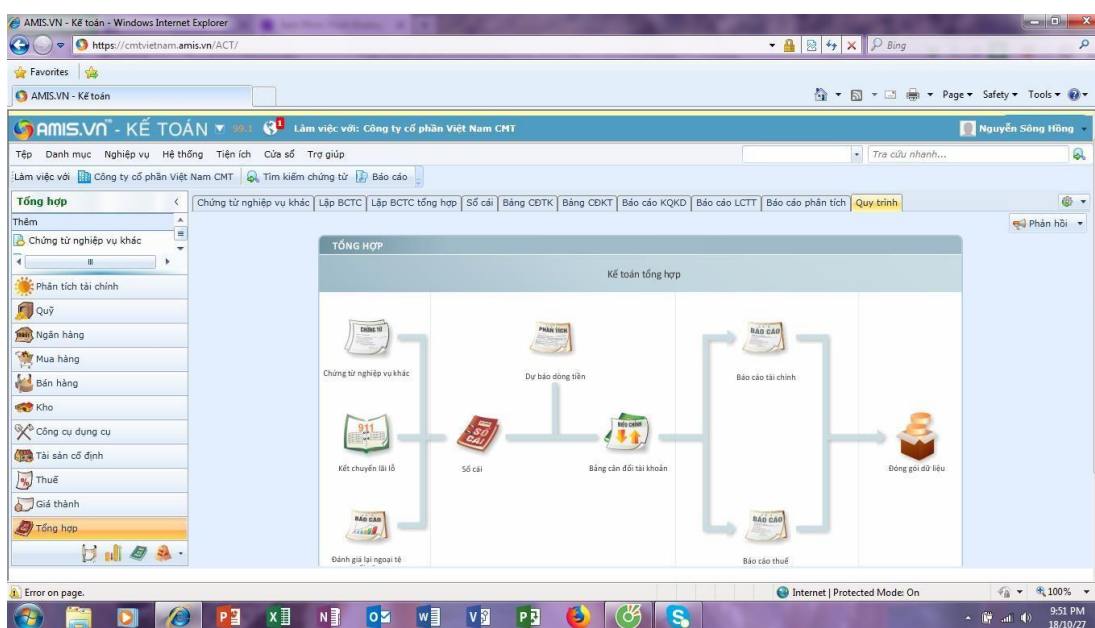
3.4.1 Kiến nghị 1: Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán:

➤ Lý do kiến nghị: Hiện tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long đã sử dụng Excel trong công tác kế toán. Nhưng ứng dụng Excel làm cho công ty tốn nhiều thời gian và nhân lực mà lại không đem lại hiệu quả triệt để.

➤ Mục tiêu giải pháp: Cải thiện công tác quản lý, thu nhập, xử lý số liệu phòng kế toán. Tiết kiệm thời gian cũng như khối lượng công việc các nhân viên kế toán.

➤ Cách thức tiến hành giải pháp: Công ty có thể tìm thêm các đối tác để mua hoặc đặt hàng phần mềm để phù hợp với đặc điểm kinh doanh và đặc điểm bộ máy kế toán. Trên thị trường hiện nay, có rất nhiều các phần mềm kế toán để công ty có thể lựa chọn như: Phần mềm kế toán MISA, SMART, VACOM, SASINNOVA,...

- Giao diện phần mềm MISA SME.NET2017



Bảng 3.1: Giao diện phần mềm MISA SME.NET2017.

Hiệu quả của giải pháp: Khi sử dụng phần mềm kế toán việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin được nhanh chóng, chính xác và tiết kiệm được thời gian, chi phí, nhân công và đạt được hiệu quả cao. Các dữ liệu được bảo quản an toàn và chuyên nghiệp.

3.4.2. Kiến nghị 2: Phân bổ chi phí quản lý kinh doanh từng mặt hàng:

- Lý do kiến nghị: Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long chưa phân bổ chi phí quản lý kinh doanh cho từng mặt hàng.
- Tiêu thức: Tính theo tiêu thức doanh thu thuần.
- Công thức:

$$\text{Chi phí quản lý kinh doanh Phân bổ cho mặt hàng } i = \frac{\text{Tổng chi phí quản lý kinh doanh}}{\text{Tổng doanh thu thuần của tất cả các mặt hàng}} \times \text{Doanh thu thuần của mặt hàng } i$$

- Hiệu quả của giải pháp: Xác định kết quả kinh doanh của từng mặt hàng đã được theo dõi chi tiết doanh thu và giá vốn.

3.4.3 Kiến nghị 3: Về hoạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh.

- Lý do kiến nghị: Công ty chưa mở sổ chi tiết doanh thu, chi phí cho từng mặt hàng.
- Mục tiêu của giải pháp: Tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý được cụ thể, chi tiết cho từng mặt hàng tiêu thụ và theo dõi doanh thu, giá vốn, lợi nhuận gộp chi tiết theo từng mặt hàng.
- Cách thức tiến hành giải pháp: Công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng (*Biểu số 3.1*) và sổ chi phí sản xuất kinh doanh (*Biểu số 3.2*)

Biểu số 3.1: Mẫu sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long

Mẫu số S17-DNN

Địa chỉ: Thôn Trang Quan, An Đông, H. An Dương, Hải Phòng

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư) :

Tháng...năm.....

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			SL	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng phát sinh - Doanh thu thuần - Giá vốn hàng bán - Lãi gộp						

➤ Sổ này có... trang, đánh số từ trang 1 đến trang...

➤ Ngày mở sổ:

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long)

Biểu số 3.2: Mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh.

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng Sản Việt Long
Địa chỉ: Thôn Trang Quan, An Đông, H. An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S17-DNN
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

- Tài khoản:.....
 - Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi Nợ Tài khoản						
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	Chia ra					
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7
			- Số dư đầu kỳ - Số phát sinh trong kỳ								
			Cộng số phát sinh trong kỳ Ghi Có TK... Số dư cuối kỳ								

Ngày..... tháng..... năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long)

Ví dụ minh họa:

Ví dụ 1: Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000490 (*Biểu số 2.1*) Ngày 1/12/2018, công ty bán 800 m³ Cát Vàng loại 1 cho Công ty TNHH Mai HươngC. Kế toán ghi vào sổ chi tiết 511 (*Biểu số 3.3*) và căn cứ vào phiếu xuất kho 23 (*Biểu số 2.8*) kế toán tiền hành ghi sổ chi tiết tài khoản 632 (*Biểu số 3.4*)

Biểu số 3.3: Sổ chi tiết bán hàng.

Đơn vị: Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long
Địa chỉ: Thôn Trang Quan, An Đông, H. An Dương, Hải Phòng

Mẫu số S17-DNN
*(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
 Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)*

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư) : Cát vàng loại 1

Tháng 12 năm 2018

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			SL	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
							...		
1/12	0000490	1/12	Xuất cát vàng loại 1 bán cho Công ty TNHH Mai Hương	112	800	180.000	144.000.000		
				
			Cộng phát sinh						

Ngày 31 thán 12 năm 2018

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 3.4: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh**Đơn vị:** Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long**Địa chỉ:** Thôn Trang Quan, An Đông, H. An Dương, Hải Phòng**Mẫu số S17-DNN**

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

Ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Tháng 12 năm 2018

- **Tài khoản: 632**
- **Tên sản phẩm, dịch vụ: Cát vàng loại 1**

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi Nợ Tài khoản		
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	E	1	2	3
			-Số dư đầu kỳ				
1/12	PX23	1/12	Xuất hàng theo HD 0000490	155	800	141.540	113.232.000
						
			- Số phát sinh trong kỳ - Ghi Có TK... - Số dư cuối kỳ				

Ngày..... tháng.... năm

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)**Giám đốc**
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hiệu quả mang lại của giải pháp: Nếu công ty mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu, chi phí bán hàng cho từng mặt hàng sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong việc theo dõi doanh thu, giá vốn, lợi nhuận gộp của từng mặt hàng và đưa ra những quyết định đúng đắn.

3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long.

3.5.1. Về phía nhà nước:

- Có chính sách hỗ trợ để khuyến khích các doanh nghiệp hoàn thiện và phát triển tổ chức kế toán.
- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng.

3.5.2. Về phía doanh nghiệp:

- Công ty phải có khả năng tài chính và đầu tư trang thiết bị, máy móc, khoa học công nghệ phục vụ cho công tác kế toán.
- Phân công trách nhiệm giữa các cán bộ nhân viên kế toán một cách hợp lý, đồng thời xác định mối quan hệ giữa các kế toán cùng phần hành và giữa các phần với nhà trong việc sử dụng chứng từ, luân chuyển chứng từ, cung cấp số liệu và đối chiếu kiểm tra.
- Doanh nghiệp cần tạo lập mối quan hệ với khách hàng. Đây là yếu tố quyết định việc bình ổn doanh thu trong doanh nghiệp.

KẾT LUẬN:

Qua quá trình nghiên cứu, đề tài đã đạt được những kết quả:

- Về mặt lý luận: hệ thống hóa được những lý luận liên quan đến công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Về mặt thực tế: Bài viết đã đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Việt Long như sau:
 - ✓ Kiến nghị về ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán.
 - ✓ Kiến nghị về phân bổ chi phí quản lý kinh doanh cho từng mặt hàng.
 - ✓ Kiến nghị về hoạch toán chi tiết doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh.

Vì thời gian và trình độ có hạn nên bài viết của em chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô giáo để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban Giám đốc, các anh chị phòng Kế toán Công ty Cổ Phần Đầu Tư Khoáng Sản Việt Long đã cung cấp số liệu cho bài viết này của em. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất đến thầy giáo hướng dẫn **ThS. Nguyễn Đức Kiên** – Người đã trực tiếp chỉ bảo và hướng dẫn em trong suốt quá trình viết bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 30 tháng 09 năm 2019

Sinh viên

Khoa Anh Thư

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2016), Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyền 1 Hệ thống tài khoản kế toán, Nhà xuất bản Tài chính.
2. Bộ Tài chính (2016), Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyền 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Công ty Cổ Phần Đầu Tư Khoáng Sản Việt Long (2018), Tài liệu, sổ sách kế toán
4. Tài liệu tham khảo khác tại thư viện.